

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐỊA ỐC FIRST REAL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 38./2024/CV-FIR

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh
Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL

- Mã chứng khoán: FIR
- Địa chỉ: Tầng 5, Khu văn phòng – Khu phức hợp Khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại liên hệ: 02363 616 767 Fax:

2. Nội dung thông tin công bố:

Thực hiện theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-FIR của Đại hội đồng cổ đông ngày 20/03/2024 và Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-FIR của Hội đồng quản trị ngày 25/03/2024, Công ty cổ phần Địa Ốc First Real trân trọng công bố các thông tin sau:

- Điều Lệ Công Ty ban hành ngày 26/03/2024.
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành ngày 26/03/2024.
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị ban hành ngày 26/03/2024.

(Chi tiết xem văn bản gửi kèm).

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 26/03/2024 tại đường dẫn: <https://fir.vn/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:

- Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-FIR,
- Điều lệ công ty,
- Quy chế nội bộ về quản trị công ty,
- Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật



Hà Thân Thúc Luân

Số: 02./2024/NQ-HĐQT-FIR

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Địa Ốc First Real;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02./2024/BB-HĐQT-FIR ngày 26/03/2024;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc ban hành Điều lệ công ty

Giao cho ông Hà Thân Thúc Luân – Tổng giám đốc công ty thực hiện việc ký ban hành Điều lệ mới của Công ty.

Nội dung cụ thể Điều lệ được đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 2. Thông qua việc ban hành Quy chế Quản trị nội bộ công ty

Giao cho ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc ký ban hành Quy chế quản trị nội bộ mới của Công ty.

Nội dung cụ thể Quy chế Quản trị nội bộ được đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị công ty

Giao cho ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện việc ký ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới của Công ty.

Nội dung cụ thể Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được đính kèm theo Nghị quyết này.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông Nguyễn Anh Tuấn, ông Hà Thân Thúc Luân, các thành viên Hội đồng quản trị khác, Ban Giám đốc, các phòng ban và các cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL

Đà Nẵng, Ngày 26 tháng 03 năm 2024



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I	5
ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II	6
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	6
Điều 2. Tên gọi, loại hình tổ chức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công Ty.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động.....	6
CHƯƠNG III	8
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY	8
Điều 4. Quyền của Công Ty	8
Điều 5. Trách nhiệm của Công Ty.....	10
CHƯƠNG IV	11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU	11
Điều 6. Vốn Điều Lệ.....	11
Điều 7. Quyền và trách nhiệm của các Cổ Đông.....	12
Điều 8. Cổ Đông sáng lập.....	13
Điều 9. Cổ Đông phổ thông	13
Điều 10. Cổ Phần ưu đãi	15
Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông	16
CHƯƠNG V	17
CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN	17
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần	17
Điều 13. Thu hồi Cổ Phần.....	18
Điều 14. Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của các Cổ Đông	19
Điều 15. Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty	19
Điều 16. Thời hạn thanh toán và từ chối mua lại Cổ Phần.....	20
CHƯƠNG VI	20
CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT	20
Điều 17. Cơ cấu Tổ chức, Quản trị và Kiểm soát của Công Ty	20
CHƯƠNG VII	21
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	21
Điều 18. Quyền hạn của ĐHĐCĐ.....	21

Điều 19. Cuộc họp ĐHĐCĐ	22
Điều 20. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ	23
Điều 21. Thay đổi các quyền	24
Điều 22. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, Chương trình và Thông báo họp ĐHĐCĐ	25
Điều 23. Điều kiện triệu tập và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ	26
Điều 24. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ	28
Điều 25. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ.....	31
Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ	32
CHƯƠNG VIII	32
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	32
Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ	32
Điều 28. Quyền và trách nhiệm của HĐQT.....	33
Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT.....	35
Điều 30. Người phụ trách quản trị Công Ty	35
Điều 31. Cuộc họp HĐQT	36
Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	39
CHƯƠNG IX	40
TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ.....	40
THƯ KÝ CÔNG TY.....	40
Điều 33. Tổ chức hoạt động.....	40
Điều 34. Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Doanh Nghiệp và Thư ký Công Ty	40
Điều 35. Lao động.....	42
CHƯƠNG X	42
NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	42
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi.....	42
Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường.....	43
Điều 38. Trách nhiệm cần trọng của thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp.....	44
CHƯƠNG XI.....	44
ỦY BAN KIỂM TOÁN.....	44
CHƯƠNG XII.....	45
QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ	45
Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	45
CHƯƠNG XIII	46

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	46
Điều 41. Phân chia lợi nhuận.....	46
CHƯƠNG XIV.....	47
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....	47
Điều 42. Tài khoản Ngân hàng.....	47
Điều 43. Năm tài chính.....	47
Điều 44. Báo cáo và Chế độ Kế toán.....	47
Điều 45. Đầu tư Tài chính trong tương lai.....	48
CHƯƠNG XV.....	48
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT.....	48
Điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng.....	48
Điều 47. Báo cáo thường niên.....	49
Điều 48. Kiểm toán.....	49
Điều 49. Con dấu.....	49
Điều 50. Bảo mật.....	49
CHƯƠNG XVI.....	50
CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ.....	50
Điều 51. Chấm dứt hoạt động.....	50
Điều 52. Gia hạn thời hạn hoạt động.....	50
Điều 53. Thanh lý.....	51
Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ Đông.....	51
CHƯƠNG XVII.....	51
THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.....	51
Điều 55. Thông báo.....	51
Điều 56. Giải quyết tranh chấp.....	52
CHƯƠNG XVIII.....	53
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	53
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	53
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	53
CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.....	53
PHỤ LỤC 01.....	54
(Đính kèm Điều lệ Công ty cổ phần Địa Ốc First Real).....	54

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ-FIR được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 20/03/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐQT-FIR được Hội đồng quản trị Công ty thông qua ngày 26/03/2024.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

"**Vốn Điều Lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

"**Luật Doanh nghiệp**" là Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;

"**Luật Chứng khoán**" là Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

"**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

"**Người Có Liên Quan**" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 4.23 Luật Doanh Nghiệp và Điều 4.46 Luật Chứng Khoán.

"**Người Được ủy Quyền Dự Hợp**" có nghĩa là bất kỳ người nào, kể cả người giữ vị trí chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ mà được ủy quyền bởi một Cổ Đông cá nhân, một Đại Diện Được ủy Quyền, hoặc một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức trong trường hợp Cổ Đông đó không có Đại Diện Theo Ủy Quyền để tham dự và bỏ phiếu tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

"**Người Quản Lý Doanh Nghiệp**" có nghĩa như được quy định tại Điều 4.24 Luật Doanh Nghiệp.

"**Pháp Luật**" là tất cả các luật hiến pháp, hiệp ước, luật, bộ luật, pháp lệnh, nghị định, quy chế (bao gồm và không hạn chế ở quy định và quy chế của bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào mà tại đó cổ phiếu của Công Ty được niêm yết), quyết định, thông tư, hướng dẫn, quy định, lệnh, nghị quyết hoặc bất kỳ các giải thích nào có giá trị pháp lý ràng buộc của tất cả các văn bản nói phía trên bởi bất kỳ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan được ban hành và công bố và được áp dụng đối với Công Ty và được sửa đổi tại từng thời điểm.

"**Sổ Đăng Ký Cổ Đông**" có nghĩa là sổ đăng ký Cổ Đông của Công Ty được lập và lưu giữ theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

"**Việt Nam**" có nghĩa là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

“VND” hoặc “Việt Nam Đồng” là đồng tiền hợp pháp của nước Việt Nam.

“VSD” có nghĩa và Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng Khoán Việt Nam.

1.2. Nguyên tắc giải thích

- i. Trong Điều Lệ này, tham chiếu nào tới điều khoản hoặc văn bản bất kỳ sẽ bao gồm các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của văn bản đó.
- ii. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng chỉ để thuận tiện theo dõi và không ảnh hưởng đến việc giải thích và nội dung của các điều khoản của Điều Lệ này.

CHƯƠNG II
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 2. Tên gọi, loại hình tổ chức hoạt động, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, người đại diện theo pháp luật và thời hạn hoạt động của Công Ty

2.1 Tên Công Ty:

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL**
- Tên giao dịch tiếng Anh:
- Tên viết tắt: **FIRST REAL.,JSC**

2.2 Công Ty được thành lập theo hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành.

2.3 Trụ sở đăng ký của Công Ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 5 Khu văn phòng – Khu phức hợp khách sạn Bạch Đằng, 50 Bạch Đằng, Phường Hải Châu I, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-236) 3616767
- Website: www.fir.vn

2.4 Người đại diện theo pháp luật của Công Ty

Công Ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc.

Quyền hạn và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật được quy định cụ thể tại Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp.

2.5 Công Ty có thể, theo Nghị quyết của HĐQT và phù hợp với quy định của Pháp Luật, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện phù hợp với lĩnh vực hoạt động kinh doanh để hỗ trợ các mục tiêu của Công Ty.

2.6 Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn. Công Ty có thể thay đổi thời hạn hoạt động theo một nghị quyết của ĐHCĐ.

Điều 3. Mục tiêu hoạt động

3.1 Công Ty được phép hoạt động, bao gồm nhưng không giới hạn, trong các lĩnh vực sau:

STT	Ngành nghề kinh doanh	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến (gỗ có nguồn gốc hợp pháp)	4663

2.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn tơ, xơ, sợi, dệt, cao su.	4669
3.	Phá dỡ	4311
4.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ dịch vụ nổ mìn)	4312
5.	Lắp đặt hệ thống điện (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).	4321
6.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định pháp luật)	4652
11.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Đầu tư kinh doanh khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư đô thị, khu du lịch và khu vui chơi giải trí. Cho thuê đất đã được xây dựng xong cơ sở hạ tầng. Đầu tư, kinh doanh nhà ở phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu dân cư đô thị. Cho thuê hoặc bán nhà, nhà xưởng, kho bãi. (Trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng)	6810 (Chính)
12.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820

12
T
AN
SC
RE
10

	Chi tiết: Tư vấn, môi giới, quản lý bất động sản. Kinh doanh sàn giao dịch bất động sản.	
13.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
14.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
15.	Xây dựng nhà để ở	4101
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
20.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
21.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
22.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
23.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
24.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299

3.2 Mục tiêu hoạt động của Công ty

Mục tiêu kinh doanh của Công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất - kinh doanh để thu lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống của người lao động; đảm bảo lợi ích của các cổ đông và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước theo Luật định, thực hiện chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần của Đảng, Nhà nước và của địa phương; góp phần tạo ra sản phẩm cho xã hội và thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội khác.

3.3 Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 4. Quyền của Công Ty

Công Ty có quyền:

- 4.1 Quản lý, sử dụng phần vốn góp của các Cổ Đông và các nguồn vốn khác nhằm thực hiện các mục tiêu, trách nhiệm và chiến lược kinh doanh của Công Ty.
- 4.2 Trừ khi bị Pháp Luật nghiêm cấm, cấp vốn cho các Công Ty Con, các công ty phụ thuộc và liên quan dưới hình thức các khoản vay để hỗ trợ thoả mãn nhu cầu vốn cho việc phát triển chiến lược kinh doanh của Công Ty, bao gồm cả việc phát triển các dự án bất động sản.

- 4.3 Tổ chức bộ máy quản lý, hoàn thiện quy chế lương và chỉ đạo hoạt động của các đơn vị kinh doanh phù hợp với mục tiêu và nhiệm vụ của Công Ty. Phân chia và điều chỉnh các nguồn lực giữa các Công Ty Con để đảm bảo hiệu quả kinh doanh.
- 4.4 Kinh doanh trong các lĩnh vực không bị Pháp Luật cấm, mở rộng phạm vi các hoạt động kinh doanh theo khả năng của Công Ty và nhu cầu thị trường.
- 4.5 Tái cơ cấu, chấm dứt hoạt động của các Công Ty Con và phát triển hoạt động kinh doanh sản xuất của Công Ty.
- 4.6 Thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty trong và ngoài nước theo quy định của Pháp Luật; mở (các) tài khoản giao dịch trong và ngoài nước.
- 4.7 Chia tách, sáp nhập, đầu tư, tham gia vào các liên doanh hoặc hợp danh, mua cổ phần, mua toàn bộ hoặc một phần tài sản của công ty khác theo quy định của Pháp Luật và phù hợp với mục tiêu phát triển của Công Ty.
- 4.8 Tìm kiếm thị trường, lựa chọn khách hàng; trực tiếp giao dịch và tham gia ký kết các loại hợp đồng với khách hàng trong và ngoài nước; được phép thực hiện các hoạt động xuất nhập khẩu để đáp ứng các yêu cầu của hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 4.9 Lựa chọn, tuyển dụng và sử dụng người lao động theo yêu cầu của hoạt động kinh doanh, bao gồm cả các chuyên gia nước ngoài nếu cần và được quy định bởi Pháp Luật. Lựa chọn các hình thức thanh toán lương, phân bổ thu nhập, quyết định mức lương của người lao động theo quy định của Pháp Luật.
- 4.10 Từ chối và không chấp nhận các đề nghị cung cấp tài chính không được quy định bởi Pháp Luật từ bất kỳ cá nhân, công ty hoặc tổ chức nào, trừ các đóng góp tự nguyện vì mục đích nhân đạo và lợi ích cộng đồng.
- 4.11 Quyết định giá mua, giá bán của các nguyên vật liệu, trang thiết bị, sản phẩm và dịch vụ, trừ trường hợp một số sản phẩm và dịch vụ có giá do Chính Phủ quyết định.
- 4.12 Sử dụng vốn và quỹ của Công Ty để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh trên cơ sở bảo toàn vốn và thu lợi nhuận.
- 4.13 Lựa chọn cách thức huy động vốn từ các nguồn tài chính trong và ngoài nước. Được phép phát hành cổ phiếu, trái phiếu theo quy định của Pháp Luật. Phụ thuộc vào phạm vi hoạt động kinh doanh của Công Ty và theo quy định của Pháp Luật, Công Ty có thể niêm yết, hủy niêm yết cổ phiếu của mình trên các Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 4.14 Thanh lý, chuyển nhượng, thay thế, thuê, cho thuê, cầm cố tài sản, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác phù hợp với Pháp Luật và trên cơ sở bảo toàn vốn.
- 4.15 Quyết định sử dụng và phân phối lợi nhuận cho các Cổ Đông sau khi đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với nhà nước và phân bổ quỹ theo quy định của Pháp Luật và quyết định của HĐQT.
- 4.16 Đăng ký và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- 4.17 Khởi kiện và tự bào chữa trong các thủ tục tố tụng.
- 4.18 Thuê các luật sư, kế toán, tư vấn, đại lý, cố vấn, kỹ sư, kiến trúc sư và nhà thầu để giúp đỡ Công Ty.
- 4.19 Được hưởng và yêu cầu các chính sách ưu đãi về thuế theo quy định của Pháp Luật.

- 4.20 Thực hiện mọi hoạt động hợp pháp, ký kết các thỏa thuận, văn bản hợp pháp nếu cần thiết và cần làm nhằm mục đích phục vụ cho Công Ty và hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 4.21 Các quyền khác phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 5. Trách nhiệm của Công Ty

Công Ty chịu trách nhiệm:

- 5.1 Hoàn thành việc đăng ký kinh doanh và hoạt động kinh doanh phù hợp với các lĩnh vực kinh doanh đã đăng ký; chịu trách nhiệm trước (i) các Cổ Đông về kết quả kinh doanh của Công Ty và (ii) khách hàng của mình và Pháp Luật về các sản phẩm và dịch vụ do Công Ty cung cấp.
- 5.2 Lập chiến lược phát triển, kế hoạch đầu tư, kế hoạch kinh doanh phù hợp với chức năng và nhiệm vụ của Công Ty cũng như nhu cầu của thị trường.
- 5.3 Ký kết và tổ chức thực hiện các loại hợp đồng với các đối tác.
- 5.4 Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động phù hợp với Bộ luật Lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia việc quản lý Công Ty thông qua thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác.
- 5.5 Tuân thủ các quy định Pháp Luật về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường, an ninh quốc gia, phòng cháy và chữa cháy.
- 5.6 Tuân thủ các Chế độ kế toán và thống kê, chuẩn bị các bản báo cáo định kỳ phù hợp với quy định của Nhà nước và báo cáo bất thường theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của các báo cáo đó.
- 5.7 Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định Pháp Luật.
- 5.8 Tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- 5.9 Tuân thủ triệt để chế độ và quy định về Chế độ báo cáo tài chính, thống kê - kế toán, kiểm toán và các quy chế khác được quy định bởi Pháp Luật, chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực trong các báo cáo tài chính của Công Ty.
- 5.10 Bảo toàn, phát triển vốn và các khoản quỹ của Công Ty.
- 5.11 Hoàn thành các quy định liên quan đến các hạng mục thu, chi trong bảng cân đối kế toán của Công Ty.
- 5.12 Cung cấp báo cáo tài chính hàng năm, các thông tin khách quan và có thật về hoạt động của Công Ty theo quyết định của ĐHĐCĐ và quy định của Pháp Luật.
- 5.13 Nộp thuế, đóng góp vào Ngân sách Nhà nước và tuân thủ các nghĩa vụ khác theo quy định Pháp Luật.
- 5.14 Tuân thủ mọi điều khoản của Điều Lệ này và chịu trách nhiệm đối với khách hàng trong phạm vi vốn Điều Lệ của Công Ty.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, LOẠI CỔ PHẦN, CHỨNG CHỈ CỔ PHIẾU

Điều 6. Vốn Điều Lệ

- 6.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty tại thời điểm thông qua Điều Lệ là: **642.452.810.000** (Bằng chữ: *Sáu trăm bốn mươi hai tỷ, bốn trăm năm mươi hai triệu, tám trăm mười nghìn đồng*).
Vốn Điều Lệ của Công Ty được chia thành 64.245.281 Cổ Phần phổ thông với mệnh giá là 10.000 VNĐ/Cổ Phần. Các Cổ Phần của Công Ty vào ngày thông qua Điều Lệ này bao gồm Cổ Phần phổ thông. Công Ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của ĐHĐCĐ và phù hợp với các quy định của Pháp Luật.
- 6.2 Vốn điều lệ Công Ty có thể được góp bằng tiền, cổ phiếu, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, các tài sản khác theo quy định của pháp luật.
- 6.3 Số cổ phần được quyền chào bán của Công Ty là tổng số cổ phần do ĐHĐCĐ quyết định chào bán để huy động vốn tại từng thời điểm và được ghi nhận trong các nghị quyết của ĐHĐCĐ. HĐQT quyết định thời điểm phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần được chào bán không được thấp hơn giá thị trường vào thời điểm chào bán hoặc giá trị ghi sổ mới nhất của cổ phiếu, ngoại trừ các trường hợp sau:
- Cổ phần chào bán cho tất cả các Cổ Đông theo tỷ lệ tương ứng với số cổ phần họ hiện đang nắm giữ trong Công Ty;
 - Cổ phần chào bán cho bên môi giới chứng khoán hoặc tổ chức bảo lãnh phát hành/công ty chứng khoán. Trong trường hợp này, tỷ lệ chiết khấu và số lượng chiết khấu phải được sự chấp thuận của ĐHĐCĐ;
 - Cổ phần phát hành cho nhân viên theo Chương trình Phát hành Cổ Phần ưu đãi cho Nhân viên (ESOP) do ĐHĐCĐ phê chuẩn;
 - Các trường hợp khác theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- 6.4 Trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác, bất kỳ cổ phần phổ thông dự kiến phát hành nào sẽ được ưu tiên chào bán tới các Cổ Đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ Cổ Phần phổ thông mà Cổ Đông đó đang nắm giữ. Trình tự, thủ tục chào bán cổ phần cho các Cổ Đông hiện hữu được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về chứng khoán. Các Cổ Đông được quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác, số cổ phần Cổ Đông không đăng ký mua hết sẽ thuộc quyền kiểm soát của HĐQT. HĐQT sẽ chào bán hoặc phân phối quyền chọn mua các cổ phần đó cho các đối tượng thích hợp, theo các điều kiện và cách thức mà HĐQT cho là phù hợp, nhưng không được ưu đãi hơn các điều kiện đã chào bán cho các Cổ Đông, trừ khi được ĐHĐCĐ chấp thuận hoặc trong trường hợp Cổ Phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 6.5 Công Ty có thể mua lại Cổ Phần do chính Công Ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều Lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ Phần do Công Ty mua lại là cổ phiếu quỹ và HĐQT có thể chào bán hoặc định đoạt theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều Lệ này, Luật Chứng Khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

- 6.6 Công Ty có quyền phát hành trái phiếu có tài sản bảo đảm và/hoặc trái phiếu không có tài sản bảo đảm, trái phiếu chuyển đổi (trái phiếu có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần theo các điều kiện được quy định trước), chứng quyền (được phát hành cùng với trái phiếu cho phép người nắm giữ chứng nhận trái phiếu được mua một số lượng Cổ Phần với mức giá và thời gian xác định trước) và các loại chứng khoán khác theo quy định của Pháp Luật. Trừ trường hợp Pháp Luật có quy định khác, HĐQT có quyền quyết định việc phát hành trái phiếu, loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu, thời điểm phát hành trái phiếu và các nội dung liên quan khác nhưng phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất.
- 6.7 Vốn Điều Lệ sẽ không được sử dụng để chi trả cổ tức cho các Cổ Đông trong bất kỳ trường hợp nào. Trường hợp Công Ty chấm dứt hoạt động trước thời hạn, các quy định liên quan của Pháp luật sẽ được áp dụng.

Điều 7. Quyền và trách nhiệm của các Cổ Đông

- 7.1 Các Cổ Đông là chủ sở hữu của Công Ty, có quyền và trách nhiệm tương ứng với số lượng Cổ Phần và loại Cổ Phần mà họ sở hữu. Trách nhiệm đối với các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty của từng Cổ Đông được giới hạn trong phạm vi giá trị tính trên mệnh giá của các Cổ Phần mà người đó nắm giữ.
- 7.2 Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công Ty và của các Cổ Đông khác, đồng thời có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.
- 7.3 Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có quyền cử một hoặc một số Đại Diện Theo Ủy Quyền nhân danh mình thực hiện các quyền của mình với tư cách là một Cổ Đông của Công Ty theo quy định của Pháp Luật; trường hợp có nhiều hơn một Đại Diện Theo Ủy Quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu đại diện bởi mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền. Trong trường hợp Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi Đại Diện Theo Ủy Quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng Đại Diện Theo Ủy Quyền. Một Đại Diện Theo Ủy Quyền của một Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức có thể biểu quyết khác với một Đại Diện Theo Ủy Quyền khác của cùng một Cổ Đông đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Công Ty có quyền dựa vào thông tin trong giấy ủy quyền để thu xếp các hoạt động của Công Ty (bao gồm việc xác định số đại biểu tham dự tối thiểu cần thiết cho cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc biểu quyết để thông qua các Nghị quyết của ĐHĐCĐ). Cổ Đông sẽ bị ràng buộc bởi việc thực hiện hoặc không thực hiện của Đại Diện Theo Ủy Quyền được chỉ định hợp lệ của mình và mọi hạn chế về thẩm quyền của Cổ Đông đối với Đại Diện Theo Ủy Quyền trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba trừ trường hợp các giới hạn đó được quy định rõ trong giấy ủy quyền.
- i. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi Đại Diện Theo Ủy Quyền sẽ chỉ có hiệu lực nếu được thông báo bằng văn bản đến Công Ty ít nhất bốn mươi tám (48) giờ trước khi việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi này có hiệu lực. Trong giới hạn quy định bởi Pháp Luật, thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Cổ Đông;
 - Số lượng Cổ Phần, loại Cổ Phần và ngày đăng ký Cổ Đông tại Công Ty;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Đại Diện Theo Ủy Quyền;
 - d. Số Cổ Phần Đại Diện Theo Ủy Quyền đó được ủy quyền đại diện;
 - e. Thời hạn được ủy quyền của Đại Diện Theo Ủy Quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được ủy quyền; và
 - f. Họ, tên và chữ ký của Đại Diện Theo Ủy Quyền và người đại diện theo pháp luật (hoặc chức vụ tương đương) của Cổ Đông đó.
- ii. Trong phạm vi quy định của Pháp Luật, Công Ty phải gửi thông báo về Đại Diện Theo Ủy Quyền được quy định tại khoản này đến cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn năm (5) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo.

Điều 8. Cổ Đông sáng lập

- 8.1 Tên, địa chỉ, số lượng Cổ Phần phổ thông và các chi tiết khác về các Cổ Đông sáng lập được quy định tại Luật Doanh Nghiệp đính kèm theo tại Phụ lục 1, là một phần của Điều Lệ này.
- 8.2 Do đã quá thời hạn ba (03) năm kể từ Ngày Thành Lập, tất cả các hạn chế đối với Cổ Phần phổ thông do các Cổ Đông sáng lập nắm giữ đều được bãi bỏ.

Điều 9. Cổ Đông phổ thông

- 9.1 Người sở hữu Cổ Phần phổ thông được gọi là Cổ Đông phổ thông.
- 9.2 Các Cổ Đông phổ thông có quyền:
- i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp trong các cuộc họp ĐHCĐ về các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Mỗi Cổ Phần phổ thông sẽ có một phiếu biểu quyết;
 - ii. Nhận cổ tức theo quyết định của ĐHCĐ;
 - iii. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán của Công Ty theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần của mình trong Công Ty;
 - iv. Tự do chuyển nhượng Cổ Phần đã được thanh toán đầy đủ của mình cho người khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật;
 - v. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
 - vi. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp của ĐHCĐ và các Nghị quyết của ĐHCĐ;
 - vii. Trong trường hợp Công Ty giải thể, có quyền nhận một phần tài sản còn lại của Công Ty tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần tại Công Ty, sau khi Công Ty đã thực hiện các khoản thanh toán cho các chủ nợ và bất kỳ Cổ Đông ưu đãi nào và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật;
 - viii. Yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình trong các trường hợp quy định tại điều 132 Luật Doanh Nghiệp;
 - ix. Thực hiện việc bỏ phiếu từ xa trong cuộc họp ĐHCĐ (nếu có);

- x. Được đối xử công bằng, cụ thể: mỗi Cổ Phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ Đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- xi. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công Ty công bố theo quy định của pháp luật;
- xii. Được bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình, cụ thể: trong trường hợp Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT vi phạm pháp luật hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông, Cổ Đông có quyền đề nghị hủy Nghị quyết đó theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quyết định vi phạm pháp luật gây tổn hại tới Công Ty, HĐQT, TGD phải đền bù cho Công Ty theo trách nhiệm của mình, Cổ Đông có quyền yêu cầu Công Ty bồi thường tổn thất theo quy định của pháp luật; và
- xiii. Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ và Luật Doanh Nghiệp.

9.3 Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ từ 05% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- i. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- ii. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- iii. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- iv. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9.4 Một Cổ Đông hoặc nhóm các Cổ Đông nắm giữ từ 10% tổng số Cổ Phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

9.5 Các Cổ Đông phổ thông của Công Ty có các nghĩa vụ sau:

- i. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức

- điện tử khác, Cổ Đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ;
- ii. Thanh toán đủ tiền mua Cổ Phần theo số lượng Cổ Phần đã đăng ký mua theo đúng thủ tục, thời hạn quy định;
 - iii. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty;
 - iv. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua Cổ Phần;
 - v. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại Cổ Phần. Trường hợp có Cổ Đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn Cổ Phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ Đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị Cổ Phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
 - vi. Tuân thủ Điều Lệ và các quy chế của Công Ty;
 - vii. Chấp hành Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT;
 - viii. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật.
- 9.6 Cổ Đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công Ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- i. Vi phạm pháp luật;
 - ii. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - iii. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công Ty.
- 9.7 Cổ Phần phổ thông không thể chuyển đổi thành Cổ Phần ưu đãi.

Điều 10. Cổ Phần ưu đãi

- 10.1 Ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có quyền phát hành các loại Cổ Phần ưu đãi. Cổ Phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
- a) Cổ Phần ưu đãi cổ tức;
 - b) Cổ Phần ưu đãi hoàn lại;
 - c) Cổ Phần ưu đãi khác.
- 10.2 Người sở hữu Cổ Phần ưu đãi được gọi là Cổ Đông ưu đãi. Quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông ưu đãi đối với từng loại Cổ Phần ưu đãi sẽ do ĐHĐCĐ quyết định phù hợp với các quy định liên quan của Luật Doanh Nghiệp.
- 10.3 Cổ Phần ưu đãi có thể được chuyển đổi thành Cổ Phần phổ thông theo quyết định của ĐHĐCĐ.
- 10.4 Trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Cổ Đông ưu đãi muốn chuyển đổi Cổ Phần ưu đãi thành Cổ Phần phổ thông phải gửi thông báo bằng văn bản tới Công Ty nêu rõ số lượng Cổ Phần ưu đãi mà Cổ Đông đó muốn được chuyển đổi thành Cổ Phần phổ thông. Công Ty sẽ trình ĐHĐCĐ để phê duyệt.
- 10.5 Trong vòng ba (3) ngày làm việc sau khi ĐHĐCĐ phê duyệt việc chuyển đổi, Cổ Đông ưu đãi sẽ chuyển lại cho Công Ty chứng chỉ cổ phiếu liên quan tới số Cổ Phần sẽ được chuyển

đổi và Công Ty sẽ phát hành chứng chỉ cổ phiếu mới cho số Cổ Phần phổ thông hình thành từ việc được chuyển đổi đó và ghi nhận việc chuyển đổi trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông. Không phụ thuộc vào ngày mà Cổ Đông liên quan nhận được Chứng chỉ cổ phiếu đối với số Cổ Phần phổ thông đó, quyền sở hữu đối với số Cổ Phần phổ thông sẽ được coi như bắt đầu kể từ ngày mà việc chuyển đổi được đăng ký tại Sổ Đăng Ký Cổ Đông.

- 10.6 Cổ Phần phổ thông hình thành từ việc chuyển đổi từ Cổ Phần ưu đãi sẽ được xếp ngang bằng và thống nhất với các Cổ Phần phổ thông đã được phát hành và mua trước khi có sự chuyển đổi đó.
- 10.7 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau, cổ đông sở hữu Cổ Phần ưu đãi có các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 11. Chứng nhận cổ phiếu và Sổ Đăng Ký Cổ Đông

- 11.1 Mọi Cổ Đông đều có quyền được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số Cổ Phần và loại Cổ Phần sở hữu.
- 11.2 Chứng nhận cổ phiếu có thể được phát hành dưới hình thức chứng chỉ với chữ ký của Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật và dấu của Công Ty (nếu có), theo hình thức phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp. Chứng chỉ cổ phiếu nêu rõ số lượng, loại Cổ Phần và số tiền đã thanh toán Cổ Phần đó, tên của Cổ Đông và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Mỗi chứng chỉ cổ phiếu chỉ đại diện cho một loại Cổ Phần.
- 11.3 Tùy thuộc vào quy định của Điều Lệ này, bất kỳ người nào có tên trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông đối với bất kỳ Cổ Phần nào đều có quyền yêu cầu nhận một chứng chỉ cổ phiếu miễn phí trong vòng hai (2) tháng (hoặc lâu hơn theo như điều khoản phát hành quy định) sau khi mua hoặc (trong trường hợp chuyển nhượng) sau khi nhận chuyển nhượng.
- 11.4 Trường hợp Cổ Đông chuyển nhượng một số Cổ Phần trong các Cổ Phần được quy định trong một chứng chỉ cổ phiếu, thì chứng chỉ cũ sẽ được hủy bỏ và Cổ Đông đó sẽ được cấp miễn phí một chứng chỉ mới ghi nhận số Cổ Phần còn lại thay thế cho chứng chỉ cũ.
- 11.5 Nếu chứng chỉ cổ phiếu bị hư hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy, một chứng chỉ cổ phiếu mới ghi nhận số Cổ Phần tương ứng sẽ được cấp cho người nắm giữ chứng chỉ đó theo yêu cầu của người đó, với điều kiện là Cổ Đông đó phải nộp lại cho Công Ty chứng chỉ cổ phiếu cũ, hoặc (trong trường hợp bị xem là bị rơi, mất, hoặc tiêu hủy) tuân thủ các điều kiện liên quan về chứng cứ và bồi hoàn và (trong bất kỳ trường hợp nào phía trên) phải chịu chi phí liên quan cho Công Ty theo Nghị quyết của HĐQT. Người nắm giữ chứng chỉ cổ phiếu có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn chứng chỉ cổ phiếu. Công Ty không có bất kỳ trách nhiệm nào đối với việc mất mát hoặc sử dụng với mục đích lừa đảo của chứng chỉ cổ phiếu đó. Đối với chứng chỉ cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam (10.000.000 VNĐ), người nắm giữ chứng chỉ cổ phiếu phải đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác và sau mười lăm (15) ngày, kể từ ngày đăng thông báo, người nắm giữ chứng chỉ cổ phiếu có quyền đề nghị Công Ty cấp chứng chỉ cổ phiếu mới.
- 11.6 Tất cả các mẫu chứng chỉ cổ phiếu, trái phiếu hoặc chứng khoán khác của Công Ty (không phải là các thư chào bán, chứng chỉ tạm thời và tài liệu tương tự khác), trừ trường hợp mà

các điều khoản và điều kiện hiện tại có liên quan đến chứng chỉ quy định khác, phải được ban hành với con dấu (nếu có) và chữ ký của Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

- 11.7 Liên quan tới cổ Phần ưu đãi, ngoài các quy định nêu trên, thì chứng chỉ cổ phiếu còn phải nêu rõ các hình thức ưu đãi của Cổ Phần đó và/hoặc các nội dung khác theo quy định của Điều 117 và Điều 118 Luật Doanh Nghiệp.
- 11.8 Sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty được duy trì và cập nhật để ghi nhận các thông tin của Cổ Đông sở hữu Cổ Phần đã được đăng ký với VSD;
- 11.9 Trường hợp có bất kỳ thay đổi nào về nội dung Sổ Đăng Ký Cổ Đông liên quan tới bất kỳ Cổ Đông nào, thì Cổ Đông đó phải có trách nhiệm thông báo cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc công ty chứng khoán nơi Cổ Đông lưu ký để Công Ty/công ty chứng khoán tiến hành việc sửa đổi thông tin của Cổ Đông trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông tại VSD.
Công Ty sẽ không chịu trách nhiệm đối với trường hợp Công Ty không thể liên lạc và/hoặc không thể gửi thư, tài liệu cho Cổ Đông do địa chỉ của Cổ Đông không có, không chính xác hoặc không đầy đủ cho mục đích liên lạc và/hoặc gửi thư đó. Việc không thể liên lạc hoặc gửi thư, gửi tài liệu đó sẽ không ảnh hưởng đến các thủ tục triệu tập họp ĐHĐCĐ, lấy ý kiến Cổ Đông, gửi tài liệu cho Cổ Đông và hiệu lực của các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua.
- 11.10 Công Ty có thể phát hành chứng nhận cổ phiếu không theo hình thức chứng chỉ. HĐQT có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng nhận cổ phiếu (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. HĐQT có thể ban hành các quy định về chứng nhận cổ phiếu và chuyển nhượng Cổ Phần theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều Lệ này.

CHƯƠNG V

CHUYỂN NHƯỢNG, THU HỒI VÀ MUA LẠI CỔ PHẦN

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

- 12.1 Trừ trường hợp quy định tại khoản 12.4 của Điều này và Pháp Luật có quy định khác, tất cả các Cổ Phần đều có thể được tự do chuyển nhượng.
- 12.2 Việc chuyển nhượng Cổ Phần sẽ có hiệu lực ngay sau khi việc chuyển nhượng Cổ Phần được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông hoặc vào ngày thực hiện bút toán ghi sổ trên tài khoản lưu ký chứng khoán tại VSD (trường hợp Cổ Phần đã lưu ký tại VSD). Chỉ các Cổ Đông có tên trong Sổ Đăng ký Cổ Đông mới được coi là Cổ Đông hợp pháp của Công Ty.
- 12.3 Tất cả các Cổ Phần đã được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 12.4 HĐQT có toàn quyền từ chối đăng ký chuyển nhượng đối với bất kỳ cổ phiếu nào chưa được thanh toán đầy đủ.
- 12.5 Trong trường hợp một Cổ Đông bị chết và có yêu cầu của người liên quan, những người thừa kế của người chết phải có một văn bản thỏa thuận để chỉ định người hoặc một số người

đại diện cho số Cổ Phần của Cổ Đông bị chết, trong thỏa thuận phải nêu rõ mỗi người sẽ đại diện cho bao nhiêu Cổ Phần. Nếu không có thỏa thuận hoặc không xác định được người thừa kế của người chết, việc thực hiện quyền liên quan đến số Cổ Phần của người chết sẽ tạm ngừng cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền về việc xác định người hoặc những người có quyền đại diện cho số Cổ Phần của người chết hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.

Tuy nhiên trong trường hợp Cổ Đông bị chết sở hữu số cổ Phần từ 1% vốn Điều Lệ trở lên, HĐQT có thể sẽ chỉ định một chuyên gia pháp lý độc lập để nghiên cứu và đưa ra ý kiến về vụ việc. HĐQT dựa trên ý kiến của chuyên gia sẽ quyết định: (i) xác định người hoặc những người đại diện cho số Cổ Phần của Cổ Đông bị chết; hoặc (ii) tạm ngừng thực hiện quyền Cổ Đông liên quan đến số Cổ Phần của Cổ Đông bị chết cho đến khi có phán quyết của cơ quan có thẩm quyền hoặc những người thừa kế đạt được thỏa thuận.

- 12.6 Khi một Cổ Đông là một pháp nhân hoặc tổ chức bị giải thể, phá sản, sáp nhập, chia tách, chuyển đổi hình thức hoạt động, thì mọi quyền và trách nhiệm liên quan tới Cổ Phần của Cổ Đông đó sẽ được giải quyết phù hợp với quy định của Pháp Luật.
- 12.7 Cổ Phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cả phần phát hành thêm để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phần mới chào bán.

Điều 13. Thu hồi Cổ Phần

- 13.1 Nếu một Cổ Đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thanh toán đến hạn liên quan đến Cổ Phần, HĐQT có thể vào bất kỳ thời điểm nào, gửi thông báo tới Cổ Đông đó yêu cầu thực hiện ngay việc thanh toán khoản tiền chưa thanh toán cộng với tiền lãi cộng dồn trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh mà Công Ty phải chịu do việc không thanh toán đúng hạn gây ra.
- 13.2 Thông báo thanh toán nêu trên phải nêu rõ thời hạn thanh toán mới (không ít hơn bảy (7) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán được yêu cầu phải hoàn tất và sẽ quy định rằng trong trường hợp việc thanh toán không được thực hiện theo nội dung thông báo, thì số Cổ Phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
- 13.3 Nếu các yêu cầu của một thông báo nêu trên không được thực hiện, bất kỳ Cổ Phần nào liên quan tới thông báo đó có thể bị thu hồi theo nghị quyết của HĐQT tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, trước khi thanh toán đầy đủ các khoản chưa được thanh toán. Việc thu hồi bao gồm tất cả các khoản cổ tức được công bố đối với Cổ Phần bị thu hồi đó mà chưa được chi trả thực tế trước thời điểm thu hồi. HĐQT có thể chấp thuận việc giao nộp lại các Cổ Phần bị thu hồi theo các quy định dưới đây và các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ này.
- 13.4 Cổ Phần bị thu hồi hoặc được giao nộp lại được coi là các cổ phần được quyền chào bán của Công Ty. HĐQT có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà HĐQT thấy là phù hợp.
- 13.5 Cổ Đông sở hữu Cổ Phần bị thu hồi hoặc giao nộp lại sẽ bị chấm dứt tư cách Cổ Đông đối với số Cổ Phần đó, nhưng vẫn phải có trách nhiệm thanh toán cho Công Ty mọi khoản tiền

tính cho tới ngày thu hồi hoặc giao nộp cho số Cổ Phần đó, cùng với tiền lãi do HĐQT xác định kể từ ngày thu hồi hoặc giao nộp cho tới ngày thanh toán và HĐQT có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị Cổ Phần bị thu hồi vào thời điểm thu hồi hoặc giao nộp hoặc miễn trừ toàn bộ hoặc một phần việc thanh toán số tiền đó.

- 13.6 Khi Cổ Phần đã bị thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi cho người nắm giữ Cổ Phần trước thời điểm thu hồi, nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 14. Mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của các Cổ Đông

- 14.1 Các Cổ Đông biểu quyết phản đối các Nghị quyết về tổ chức lại Công Ty hoặc các Nghị quyết thay đổi các quyền và nghĩa vụ của Cổ Đông theo quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại Cổ Phần của mình. Yêu cầu phải được thực hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Cổ Đông đó, số lượng Cổ Phần, giá chào bán và lý do yêu cầu mua lại. Yêu cầu phải được gửi tới Công Ty trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày ĐHĐCĐ phê duyệt vấn đề được quy định trong khoản này.
- 14.2 Công Ty sẽ mua lại Cổ Phần theo yêu cầu của Cổ Đông theo quy định tại khoản 1 của Điều này trong vòng chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Cổ Phần sẽ được mua lại theo giá trị trường tại thời điểm đó, hoặc nếu giá trị trường không xác định được, thì giá mua lại sẽ được xác định ít nhất bằng giá mua của Cổ Phần đó.
- 14.3 Trường hợp không đạt được thỏa thuận về giá mua lại, HĐQT có thể tham vấn một Công ty kiểm toán chuyên nghiệp hoặc một bên thích hợp cho mục đích xác định giá mua lại phù hợp với các quy định của Pháp Luật. Trong trường hợp này, giá mua lại Cổ Phần sẽ được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được phê duyệt và kiểm toán của Công Ty. Trong vòng năm (5) ngày, kể từ ngày có thông báo tham vấn chuyên gia, nếu Cổ Đông đó không phản đối, thì giá mua lại sẽ được coi như đã được đồng ý. Trong trường hợp Cổ Đông đó phản đối, thì Cổ Đông đó phải gửi văn bản tới Công Ty. Tuy vậy, không phụ thuộc vào việc nhận được ý kiến phản đối đó Công Ty vẫn có quyền thực hiện việc thanh toán theo giá mua lại đã được xác định theo khoản này và chấm dứt tất cả các quyền, nghĩa vụ của Cổ Đông đó liên quan tới Cổ Phần được mua lại. Trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày nhận được ý kiến phản đối, nếu hai bên không đạt được thỏa thuận, thì Cổ Đông đó có thể đưa vụ việc ra giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam theo quy định tại Điều 55 của Điều Lệ này.

Điều 15. Mua lại Cổ Phần theo quyết định của Công Ty

- 15.1 Công Ty có quyền mua lại không quá ba mươi phần trăm (30%) tổng số Cổ Phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ số Cổ Phần ưu đãi cổ tức đã bán, theo các quy định dưới đây:
- i. ĐHĐCĐ quyết định việc mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi loại đã được chào bán trong 12 tháng. Các trường hợp mua lại khác do HĐQT quyết định.
 - ii. HĐQT sẽ xác định giá mua lại Cổ Phần. Giá mua lại của Cổ Phần phổ thông không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp Công Ty gửi đề

12.
TY
I AN
SC
RE
10

ngợi tới tất cả các Cổ Đông để mua lại lượng Cổ Phần tỷ lệ tương ứng với số Cổ Phần mà họ nắm giữ. Giá mua lại cho các loại Cổ Phần khác phải không được thấp hơn giá thị trường, trừ khi có thỏa thuận khác giữa Công Ty và Cổ Đông.

iii. Công Ty có thể mua lại Cổ Phần của mỗi Cổ Đông theo tỷ lệ Cổ Phần tương ứng của họ trong Công Ty. Trong trường hợp này, Công Ty phải gửi một thông báo về quyết định mua lại Cổ Phần tới tất cả các Cổ Đông trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày quyết định được phê duyệt. Thông báo phải có các thông tin như tên và trụ sở Công Ty, tổng số Cổ Phần được Công Ty mua lại, giá mua hoặc nguyên tắc xác định giá mua, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn các Cổ Đông phải trả lời Công Ty.

15.2 Các Cổ Đông chấp nhận đề nghị của Công Ty sẽ phải trả lời bằng văn bản gửi về Công Ty trong vòng ba mươi (30) ngày hoặc theo thời hạn nêu trong thông báo của Công Ty kể từ ngày nhận được thông báo về việc mua lại Cổ Phần của Công Ty.

Điều 16. Thời hạn thanh toán và từ chối mua lại Cổ Phần

16.1 Công Ty sẽ chỉ thực hiện việc thanh toán đối với việc mua lại Cổ Phần theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 nêu trên cho các Cổ Đông, nếu sau khi hoàn thành việc thanh toán cho các Cổ Phần được mua lại, Công Ty vẫn có khả năng đảm bảo chi trả mọi khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

16.2 Tất cả số Cổ Phần được mua lại theo Điều 14 và Điều 15 nói trên sẽ được coi là cổ phiếu quỹ và thuộc số Cổ Phần được quyền chào bán phù hợp với quy định của Luật Chứng khoán và các quy định hiện hành khác.

16.3 Chứng chỉ cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu Cổ Phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi Cổ Phần tương ứng đã được thanh toán đủ, Chủ tịch HĐQT và TGD phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy chứng chỉ cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.

16.4 Khi thực hiện thanh toán đầy đủ cho việc mua lại Cổ Phần, nếu tổng giá trị các tài sản ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn mười phần trăm (10%), thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cho số Cổ Phần mua lại.

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 17. Cơ cấu Tổ chức, Quản trị và Kiểm soát của Công Ty

Cơ cấu Tổ chức quản lý, Quản trị và Kiểm soát của Công Ty như sau:

17.1 **ĐHĐCĐ:** bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty;

17.2 **HĐQT:** là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ



hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao. HĐQT chịu trách nhiệm quản lý Công Ty vì các quyền lợi tốt nhất cho tất cả các Cổ Đông;

- 17.3 **TGD:** là người đại diện theo pháp luật và điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước Pháp Luật về việc thực hiện các quyền, nhiệm vụ được giao.

CHƯƠNG VII ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền hạn của ĐHĐCĐ

18.1 ĐHĐCĐ bao gồm tất cả các Cổ Đông có quyền biểu quyết theo quy định của Điều Lệ này.

18.2 ĐHĐCĐ có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:

- a) Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
- b) Báo cáo hoạt động của HĐQT;
- c) Báo cáo kế hoạch kinh doanh hàng năm;
- d) Mức cổ tức của từng loại Cổ Phần;
- e) Định hướng phát triển Công Ty và giao HĐQT tiến hành triển khai thực hiện. Để tránh hiểu nhầm, ĐHĐCĐ sẽ không quyết định kế hoạch phát triển trung hạn của Công Ty;
- f) Loại Cổ Phần và tổng số Cổ Phần của từng loại được quyền chào bán và giao cho HĐQT quyết định chi tiết các phương án liên quan đến việc phát hành và chào bán Cổ Phần hoặc các loại chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty, kể cả phương án chào bán và/hoặc phát hành (riêng lẻ hoặc ra công chúng), phương án sử dụng vốn, phương án trả nợ, phương án hoán đổi, hay phương án chào bán chứng chỉ lưu ký;
- g) Số lượng thành viên của HĐQT; Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên HĐQT;
- h) Chế độ thù lao cho HĐQT; Báo cáo thù lao của HĐQT;
- i) Bổ sung, sửa đổi Điều Lệ Công Ty, trừ trường hợp sửa đổi, bổ sung Điều Lệ để điều chỉnh Vốn Điều Lệ theo kết quả chào bán hoặc do bán thêm Cổ Phần mới trong phạm vi số lượng Cổ Phần được quyền chào bán hoặc theo kết quả chuyển đổi hoặc hoán đổi các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hoặc hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty đã được phát hành của Công Ty, việc bổ sung, sửa đổi Điều Lệ Công Ty trong trường hợp này sẽ do HĐQT quyết định;
- j) Xem xét các vi phạm của HĐQT gây thiệt hại cho Công Ty và các Cổ Đông của Công Ty;
- k) Đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan như được quy định tại Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp có tổng giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty;
- l) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông



- sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó;
- m) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - n) Mua lại trên 10% tổng số Cổ Phần đã bán của mỗi loại;
 - o) Tổ chức lại, giải thể hoặc phá sản Công Ty;
 - p) Khi cần thiết, ĐHĐCĐ tự mình hoặc theo đề xuất của HĐQT, có thể giao lại cho HĐQT quyết định và tổ chức thực hiện một số công việc thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ quy định tại điều này;
 - q) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị;
 - r) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - s) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết
 - t) Xem xét và quyết định các vấn đề khác theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 19. Cuộc họp ĐHĐCĐ

- 19.1 ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và phải được tổ chức trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam
- Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ được triệu tập bởi HĐQT tại một địa điểm thuộc Việt Nam do HĐQT xác định tùy theo thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán. TGD phải cung cấp cho Chủ tịch HĐQT chương trình họp dự kiến về việc họp ĐHĐCĐ hàng năm.
- 19.2 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:
- a) HĐQT thấy cần thiết cho các lợi ích của Công Ty;
 - b) Bảng cân đối tài chính hàng năm, báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính 6 tháng, hoặc báo cáo tài chính kiểm toán của năm tài chính chỉ ra rằng vốn chủ sở hữu đã mất đi một nửa (1/2) so với đầu kỳ;
 - c) Khi số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT, ít hơn số lượng quy định bởi Pháp Luật hoặc số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều Lệ này; và
 - d) Một Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông nêu tại Điều 9.3 có nhu cầu triệu tập họp và gửi đề nghị bằng văn bản nêu rõ lý do, mục đích của buổi họp, được ký bởi tất cả các Cổ Đông đó (đề nghị này có thể bao gồm hai bản hoặc nhiều hơn cùng với chữ ký của tất cả các Cổ Đông đó).

- 19.3 HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ trong thời hạn ba mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT, thành viên độc lập HĐQT còn lại như quy định tại khoản 19.2 (c) hoặc nhận được yêu cầu quy định tại 19.2(d) của Điều này. Trường hợp HĐQT không triệu tập được cuộc họp ĐHĐCĐ này, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.3 có quyền thay thế HĐQT để triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- 19.4 Mọi chi phí cần thiết để triệu tập và tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Công Ty chi trả, tuy nhiên, để rõ ràng, các chi phí này sẽ không bao gồm các khoản mà các Cổ Đông phải chịu khi tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 20. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ

- 20.1 Cổ Đông là thể nhân hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền đủ điều kiện tham dự ĐHĐCĐ có thể tham gia họp trực tiếp hoặc ủy quyền bằng văn bản cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Họp (nếu được Pháp Luật cho phép) tham dự và biểu quyết nhân danh mình, Cổ Đông là tổ chức không có Đại Diện Theo Ủy Quyền theo quy định tại Điều 7.3 của Điều Lệ này thì có quyền ủy quyền cho một (1) hoặc nhiều Người Được Ủy Quyền Dự Họp, nếu được Pháp Luật cho phép, để tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ và những Người Được Ủy Quyền Dự Họp có thể có ý kiến khác nhau đối với cùng một vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Người Được Ủy Quyền Dự Họp không nhất thiết phải là một Cổ Đông. Người được Cổ Đông ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ không được phép ủy quyền lại cho người khác, đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết nhân danh chính mình.
- 20.2 Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản theo một mẫu thông dụng hoặc theo mẫu mà HĐQT có thể phê duyệt và:
- i. Trong trường hợp người ủy quyền là Cổ Đông là cá nhân, thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Cổ Đông đó và Người Được Ủy Quyền Dự Họp; và
 - ii. Trong trường hợp người ủy quyền là Cổ Đông là tổ chức hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là tổ chức, thì giấy ủy quyền phải được đóng dấu (nếu có) và ký bởi người Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là tổ chức và Người Được Ủy Quyền Dự Họp.
 - iii. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- 20.3 Giấy ủy quyền sẽ được gửi tới địa chỉ đã đăng ký của Công Ty hoặc tại địa điểm nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp trong vòng ít nhất là bốn mươi tám (48) tiếng trước khi tổ chức cuộc họp hoặc cuộc họp mà trước đây đã bị hoãn mà người có tên trên văn bản đó phải có mặt để biểu quyết. Giấy ủy quyền được coi là gửi tới Công Ty một cách hợp lệ nếu được gửi tới số fax tại địa chỉ văn phòng được đăng ký của Công Ty hoặc tới số fax hoặc thư điện tử tại địa chỉ nêu ra tại thông báo triệu tập cuộc họp.

- 20.4 Phiếu biểu quyết của một người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:
- i. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự;
 - ii. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc ủy quyền;
 - iii. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
- Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công Ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên bốn mươi tám (48) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.
- 20.5 Trong trường hợp, tại một cuộc họp ĐHĐCĐ, một người là (i) Đại Diện Theo Ủy Quyền cho nhiều Cổ Đông và/hoặc (ii) Người Được Ủy Quyền Dự Họp của nhiều Cổ Đông và/hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông, thì người đó có thể bỏ phiếu biểu quyết theo những ý kiến khác nhau dựa trên các chỉ thị khác nhau của các Cổ Đông và/hoặc các Đại Diện Theo Ủy Quyền đã chỉ định hợp lệ người đó là Người Được Ủy Quyền Dự Họp hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền. Để tạo điều kiện biểu quyết của người đó, nếu được yêu cầu bởi người đó, Công Ty sẽ cấp cho người đó đủ số phiếu biểu quyết và các tài liệu khác tại cuộc họp của ĐHĐCĐ.

Điều 21. Thay đổi các quyền

- 21.1 Các Nghị quyết của ĐHĐCĐ về việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại Cổ Phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 65% Cổ Phần phổ thông tham dự họp thông qua, đồng thời được Cổ Đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại Cổ Phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.
- 21.2 Việc tổ chức một cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ một loại Cổ Phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (2) Cổ Đông (hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức họp lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của các Cổ Đông nắm giữ Cổ Phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
- 21.3 Thủ tục tiến hành các cuộc họp ĐHĐCĐ riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều Lệ này.
- 21.4 Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công Ty sẽ không bị thay đổi khi Công Ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 22. Triệu tập họp ĐHĐCĐ, Chương trình và Thông báo họp ĐHĐCĐ

- 22.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được triệu tập bởi HĐQT, trừ khi quy định của Điều 19.3 Điều Lệ này được áp dụng.
- 22.2 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ phải thực hiện các công việc sau:
- i. Chuẩn bị danh sách các Cổ Đông đủ tư cách tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ; chương trình họp và các tài liệu cần thiết theo quy định Pháp Luật và Điều Lệ này;
 - ii. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ Đông;
 - iii. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - iv. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - v. Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp, danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường họp bầu thành viên HĐQT;
 - vi. Xác nhận thời gian và địa điểm họp; và
 - vii. Thông báo và gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ cho tất cả các Cổ Đông có quyền dự họp.
- 22.3 Thông báo mời họp ĐHĐCĐ phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của Cổ Đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền dự họp, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Các tài liệu họp kèm thông báo mời họp ĐHĐCĐ sẽ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (ii) Phiếu biểu quyết; và (iii) Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; (iv) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi đăng tải tài liệu và cách thức tải tài liệu họp. Công Ty sẽ gửi tài liệu họp cho Cổ Đông nếu Cổ Đông có yêu cầu bằng văn bản.
- 22.4 Các Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Điều 9.3 của Điều Lệ này có quyền đề nghị các vấn đề cần được đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề nghị phải được làm thành văn bản và gửi tới Công Ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Đề nghị phải có tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ và các vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 22.5 Người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ có quyền từ chối các đề nghị theo Điều 22.4 nếu:
- i. Đề nghị không được gửi đến đúng hạn, không đủ, không đúng nội dung;
 - ii. Vào thời điểm đề xuất, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông không có đủ ít nhất 5% Cổ Phần phổ thông theo quy định tại Điều 9.3 Điều lệ này;
 - iii. Đề nghị không bao gồm các thông tin được yêu cầu; và

iv. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ để thảo luận và thông qua nghị quyết.

- 22.6 Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
- 22.7 Trường hợp tất cả Cổ Đông đại diện 100% số Cổ Phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua Đại Diện Được Ủy Quyền tại ĐHĐCĐ, những Nghị quyết được ĐHĐCĐ nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập ĐHĐCĐ không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 23. Điều kiện triệu tập và thể thức tiến hành họp ĐHĐCĐ

- 23.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ do Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp ĐHĐCĐ, thành viên HĐQT chức vụ cao nhất có mặt sẽ tổ chức họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp ĐHĐCĐ, Chủ tọa không nhất thiết phải là thành viên HĐQT. Chủ tịch hoặc Chủ tọa được ĐHĐCĐ bầu ra cử một hoặc một số thư ký Đại hội để lập biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp ĐHĐCĐ điều khiển ĐHĐCĐ bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ. Trường hợp bầu Chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.
ĐHĐCĐ bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp. Số thành viên Ban kiểm phiếu tối thiểu là 03 người.
- 23.2 Cuộc họp ĐHĐCĐ được coi là triệu tập hợp lệ khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp ĐHĐCĐ phải triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có số Cổ Đông đại diện cho ít nhất 33% tổng số Cổ Phần có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Người Được Ủy Quyền Dự Họp. Trường hợp cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai không được tiến hành do không đủ số đại biểu cần thiết trong vòng sáu mươi (60) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc cuộc họp, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba được triệu tập lại trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ hai và trong trường hợp này cuộc họp được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng Cổ Đông hay Người Được Ủy Quyền Dự Họp tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất có thể phê chuẩn.
- 23.3 Chỉ ĐHĐCĐ mới có quyền sửa đổi chương trình và nội dung cuộc họp đã được gửi theo thông báo mời họp.

- 23.4 Cuộc họp ĐHĐCĐ có thể bao gồm hình thức hội nghị giữa các Cổ Đông, trong đó một số hoặc tất cả Cổ Đông đang ở những địa điểm khác nhau, với điều kiện là những người này phải:
- i. Có khả năng nghe được những người khác tham dự phát biểu tại cuộc họp; và
 - ii. Có khả năng giao tiếp được với tất cả các Cổ Đông khác cùng lúc một cách trực tiếp, thông qua điện thoại hội nghị hoặc bằng hình thức thông tin liên lạc khác. Mỗi Cổ Đông tham gia vào buổi họp sẽ được xác định là “có mặt” tại buổi họp nếu được Cổ Đông đó xác nhận việc đó bằng chữ ký của mình, bao gồm cả chữ ký điện tử.
- 23.5 Thể thức tiến hành họp:
- i. Vào ngày tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
 - ii. Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty sẽ cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp, tùy từng trường hợp, có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó. Thẻ biểu quyết có thể được mã hóa để phục vụ cho việc kiểm phiếu bằng phần mềm máy tính. Trừ trường hợp ĐHĐCĐ thông qua phương án biểu quyết khác, khi tiến hành biểu quyết tại cuộc họp, số thẻ ủng hộ nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu ủng hộ, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.
Cổ Đông tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
 - iii. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
 - iv. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ có thể hoãn họp đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của ĐHĐCĐ đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.
 - v. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp ĐHĐCĐ trái với quy định tại khoản 23.5(iv) của Điều này, ĐHĐCĐ bầu một người khác trong số những thành viên tham dự để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
 - vi. Chủ tọa hoặc Thư ký cuộc họp ĐHĐCĐ có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp ĐHĐCĐ một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp ĐHĐCĐ phản ánh được mong muốn của đa số Cổ Đông tham dự. Đoàn Chủ tịch cuộc họp ĐHĐCĐ có thể được lập khi Chủ tọa xét thấy cần thiết, bao gồm một số thành viên HĐQT và Người Điều Hành Doanh Nghiệp của Công Ty do Chủ tọa chỉ

định. Đoàn Chủ tịch thực hiện một số công việc nhằm hỗ trợ việc điều hành cuộc họp ĐHĐCĐ của Chủ tọa.

- vii. HĐQT có thể yêu cầu các Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp tham dự ĐHĐCĐ chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà HĐQT cho là thích hợp. Trường hợp có Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, HĐQT sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Cổ Đông hoặc đại diện nói trên tham gia cuộc họp ĐHĐCĐ.
- viii. Sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, HĐQT có thể tiến hành các biện pháp được cho là thích hợp để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp ĐHĐCĐ;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho Cổ Đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp ĐHĐCĐ. HĐQT có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu HĐQT thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
- ix. Trong trường hợp tại cuộc họp ĐHĐCĐ có áp dụng các biện pháp nói trên, HĐQT khi xác định địa điểm Đại hội có thể:
 - a. Thông báo rằng cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ có mặt tại đó ("**Địa điểm chính của Đại hội**");
 - b. Bố trí, tổ chức để những Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội họp không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với Địa điểm chính của cuộc họp ĐHĐCĐ có thể đồng thời tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.

Thông báo về việc tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều Lệ này.

- x. Trong Điều Lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi Cổ Đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của Đại hội.
 - xi. Hàng năm Công Ty phải tổ chức ĐHĐCĐ ít nhất một (1) lần. ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 23.6 Ngoài các trường hợp như quy định nêu trên, Cổ Đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này trong trường hợp Cổ Đông bỏ phiếu thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử.

Điều 24. Thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ

- 24.1 ĐHĐCĐ thông qua mọi Nghị quyết bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp của ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến các Cổ Đông bằng văn bản.
 - i. Trừ trường hợp quy định tại các Khoản (ii) dưới đây và Khoản 3,4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, các quyết định của ĐHĐCĐ sẽ được thông qua khi có từ 51%

trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).

- ii. Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến các vấn đề dưới đây sẽ chỉ được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hợp có mặt tại ĐHĐCĐ (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các Cổ Đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản).
 - a. Loại Cổ Phần và số lượng Cổ Phần của từng loại;
 - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty;
 - d. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Công Ty;
 - e. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty; và
 - f. Tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty.

24.2 Nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị như Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

24.3 Thẻ thức thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ:

- i. Trong trường hợp biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp: Công Ty sẽ phát cho từng Cổ Đông một Thẻ biểu quyết có số đăng ký và tên của Cổ Đông, cùng với số Cổ Phần biểu quyết của Cổ Đông đó. Việc biểu quyết và kiểm phiếu có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính hoặc bằng hình thức lấy ý kiến hoặc biểu quyết tại chỗ. Chủ tọa có thể đề nghị danh sách Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu để ĐHĐCĐ thông qua tại cuộc họp. Thẻ thức cụ thể tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của cuộc họp được ĐHĐCĐ thông qua.
- ii. Không phụ thuộc vào Điều 145 Luật Doanh Nghiệp, trong trường hợp phê duyệt thông qua các Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Chủ tịch HĐQT thực hiện các nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định các vấn đề cần lấy ý kiến, hình thức và nội dung phiếu lấy ý kiến (phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung sau: (i) tên, địa chỉ của trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công Ty, (ii) mục đích lấy ý kiến, (iii) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của Cổ Đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp của Cổ Đông hoặc Đại Diện Theo Ủy Quyền của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức; số lượng Cổ Phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông; (iv) vấn đề cần lấy ý

- kiến và các tài liệu kèm theo; (v) thời hạn để gửi ý kiến cho Công Ty; và (vi) phương án biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”; (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công Ty).
- b. Gửi phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ Đông ghi trong danh sách Cổ Đông có quyền lấy ý kiến văn bản đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của Công Ty chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Các tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty bao gồm: (i) Dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ; (ii) Các tài liệu giải trình dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ. Phiếu lấy ý kiến được gửi tới các Cổ Đông như quy định tại Khoản này sẽ ghi rõ nơi và cách thức tải tài liệu. Công Ty sẽ gửi tài liệu kèm theo phiếu lấy ý kiến cho Cổ Đông nếu Cổ Đông yêu cầu.
- c. Cổ Đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ Đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ Đông là pháp nhân hoặc tổ chức. Phiếu lấy ý kiến đã trả lời phải được để trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến, bị sửa chữa, tẩy xóa, đánh dấu, thêm ký hiệu hoặc đã bị mở đều không hợp lệ;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử đăng ký chính thức của Công Ty: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- d. Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc, hoặc một hoặc một số thành viên HĐQT được Chủ tịch HĐQT ủy quyền/phân công tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Cổ Đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty;

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và

người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- e. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu..
 - f. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- iii. Việc kiểm phiếu biểu quyết theo hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có thể được thực hiện bằng phần mềm máy tính.

Điều 25. Biên bản cuộc họp ĐHĐCĐ

25.1 Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác tùy thuộc vào quyết định của ĐHĐCĐ tại từng thời điểm. Biên bản phải có các thông tin cơ bản sau:

- i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- ii. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
- iii. Chương trình và nội dung cuộc họp ĐHĐCĐ;
- iv. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- vi. Số Cổ Đông và tổng số phiếu của các Cổ Đông có mặt tại cuộc họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ Đông, đại diện Cổ Đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- vii. Tổng số phiếu biểu quyết cho từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ Đông dự họp;
- viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- ix. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

25.2 Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm lập biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi Biên bản họp có thể

thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày cuộc họp ĐHĐCĐ kết thúc. Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng về các nội dung của cuộc họp, ngoại trừ có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra một cách hợp lệ trong vòng mười (10) ngày kể từ ngày công bố biên bản. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt (trong trường hợp cần thiết có thể được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài) có đầy đủ chữ ký của Chủ tọa và thư ký cuộc họp và được soạn thảo phù hợp với quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ này. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty và được công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 26. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công Ty, Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông quy định tại Điều 9.3 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ Nghị quyết của ĐHĐCĐ phù hợp với quy định của Điều 151 Luật Doanh Nghiệp. Trong trường hợp này các Nghị quyết của ĐHĐCĐ vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VIII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Thành phần và nhiệm kỳ

27.1 Số thành viên của HĐQT từ ba (03) đến bảy (07) người. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Công ty phải đảm bảo có ít nhất 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

27.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

- 27.3 Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu, tùy theo quyết định hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tùy từng thời điểm.
- 27.4 Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
- 27.5 Việc bầu các thành viên HĐQT phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 28. Quyền và trách nhiệm của HĐQT

- 28.1 HĐQT là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ hoặc/và quyết định các công việc khi được ĐHĐCĐ giao.
- 28.2 HĐQT có trách nhiệm kiểm tra, giám sát các hoạt động điều hành của TGD và các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác.
- 28.3 Quyền và nhiệm vụ của HĐQT được quy định bởi Pháp Luật, Điều Lệ này và các nghị quyết của ĐHĐCĐ. Cụ thể, HĐQT có thẩm quyền quyết định các vấn đề sau:
- i. Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động;
 - ii. Chào bán và/hoặc phát hành Cổ Phần mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại theo quyết định của ĐHĐCĐ;
 - iii. Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định bởi Điều Lệ này, Pháp Luật, cũng như theo quyết định khác của ĐHĐCĐ;
 - iv. Huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định Pháp Luật;
 - v. Giá chào bán của từng loại Cổ Phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
 - vi. Mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
 - vii. Đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan như được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty;
 - viii. Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - ix. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 28.3.vii nêu trên và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
 - x. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác mà HĐQT xét thấy cần thiết;

- xi. Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - xii. Thành lập Công Ty Con và quyết định các vấn đề có liên quan; quyết định các giao dịch của Công Ty Con do Công Ty là Chủ sở hữu hoặc kiểm soát;
 - xiii. Lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định các vấn đề liên quan;
 - xiv. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - xv. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
 - xvi. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến đề ĐHĐCĐ thông qua quyết định hoặc/và phân cấp giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp quyết định;
 - xvii. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
 - xviii. Đề xuất mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - xix. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
 - xx. Định giá tài sản đóng góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - xxi. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - xxii. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này, Pháp Luật và quyết định của ĐHĐCĐ.
- 28.4 Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ- CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- 28.5 HĐQT có thể thành lập các tiểu ban hoặc cử thành viên HĐQT phụ trách riêng về từng vấn đề để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, bao gồm: tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban kiểm toán nội bộ, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác (nếu cần thiết, theo toàn quyền quyết định của HĐQT).
- 28.6 HĐQT có thể giao, phân cấp hoặc ủy quyền cho TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác hoặc bất kỳ người nào khác quyết định, ký kết các tài liệu và tổ chức thực hiện các công việc thuộc thẩm quyền quyết định, phê chuẩn của HĐQT quy định tại Điều 28.3 của Điều Lệ này với điều kiện không vi phạm điều cấm của Pháp Luật
- 28.7 Các thành viên của HĐQT có thể được hưởng thù lao cho việc thực hiện công việc phù hợp với quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 29. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và Thành viên của HĐQT

- 29.1 HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HĐQT giữ chức vụ Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết). Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
- 29.2 Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ và các buổi họp của HĐQT và có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- Trong trường hợp được Chủ tịch ủy quyền, Phó Chủ tịch có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho HĐQT rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt (vắng mặt được hiểu là không có mặt tại trụ sở chính của Công Ty hoặc không có mặt tại phòng làm việc của mình tại trụ sở chính của Công Ty), vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không chỉ định Phó Chủ tịch hành động như vậy, các thành viên còn lại của HĐQT sẽ chỉ định Phó Chủ tịch. Trường hợp cả Chủ tịch và Phó Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, HĐQT có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 29.3 Chủ tịch HĐQT phải có trách nhiệm đảm bảo việc HĐQT gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Công Ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của HĐQT cho các Cổ Đông tại ĐHĐCĐ.
- 29.4 Chủ tịch HĐQT có thể bị bãi miễn theo quyết định của HĐQT. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, HĐQT phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày từ chức hoặc bãi nhiệm.
- 29.5 Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm điều cấm của pháp luật, Chủ tịch HĐQT được ủy quyền theo vụ việc hoặc ủy quyền thường xuyên hoặc phân cấp cho Phó Chủ tịch HĐQT ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch HĐQT và thực hiện một số các quyền hạn, trách nhiệm và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT. Phó Chủ tịch HĐQT được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch HĐQT về việc thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 30. Người phụ trách quản trị Công Ty

- 30.1 HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị Công Ty ("**Người Phụ Trách Quản Trị**") để hỗ trợ hoạt động quản trị Công Ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người Phụ Trách Quản Trị do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm.
- 30.2 Người Phụ Trách Quản Trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
- i. Có hiểu biết về pháp luật;
 - ii. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty;
 - iii. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ này và quyết định của HĐQT.

- 30.3 HĐQT có thể bãi nhiệm Người Phụ Trách Quản Trị khi cần nhưng không trái với các quy định Pháp Luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm trợ lý Người Phụ Trách Quản Trị tùy từng thời điểm.
- 30.4 Người Phụ Trách Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau:
- i. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - ii. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - iv. Tham dự các cuộc họp;
 - v. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - vi. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - vii. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - viii. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - ix. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - x. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 31. Cuộc họp HĐQT

- 31.1 Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (7) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (1) thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp HĐQT.
- 31.2 **Họp thường kỳ**
Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp HĐQT, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày trước khi bắt đầu cuộc họp. Sau đó, Chủ tịch có thể triệu tập họp vào bất kỳ thời điểm nào mà Chủ tịch cho là cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một (1) lần.
- 31.3 **Họp bất thường**
Chủ tịch HĐQT triệu tập cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty. Ngoài ra, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập cuộc họp HĐQT bất thường ngay lập tức khi có một trong những người sau đây gửi yêu cầu bằng văn bản đưa ra mục đích và nội dung các vấn đề cần phải thảo luận:
- i. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
 - ii. TGD hoặc ít nhất năm (5) Người Điều Hành Doanh Nghiệp;
 - iii. Ít nhất hai (2) thành viên điều hành của HĐQT.

- 31.4 Các cuộc họp HĐQT quy định tại Điều 31.3 phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu họp HĐQT. Nếu Chủ tịch không triệu tập họp thì người yêu cầu tại Khoản 31.3 Điều này có quyền tự mình triệu tập họp HĐQT.
- 31.5 Theo yêu cầu của các kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn bạc về báo cáo kiểm toán và tình hình của Công Ty.
- 31.6 Địa điểm họp
Cuộc họp HĐQT được tổ chức tại Trụ sở chính của Công Ty hoặc tại một địa điểm khác trong lãnh thổ Việt Nam, hoặc với sự đồng ý của HĐQT, ngoài lãnh thổ Việt Nam theo chỉ định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT.
- 31.7 Thông báo và Chương trình họp
Thông báo họp HĐQT hoặc người triệu tập họp HĐQT phải được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất ba (03) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo triệu tập họp HĐQT phải được lập thành văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ về chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo các tài liệu cần thiết về các vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và các phiếu biểu quyết cho các thành viên không thể tham dự cuộc họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên HĐQT được đăng ký tại Công Ty.
- 31.8 Số thành viên tham dự tối thiểu
Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các nghị quyết khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên của HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua thành viên thay thế. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.
- 31.9 Biểu quyết
- i. Trừ trường hợp quy định tại khoản 31.9 (ii) Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người thay thế thành viên HĐQT và các người được ủy quyền tham dự họp sẽ có một (1) phiếu biểu quyết.
 - ii. Thành viên của HĐQT không biểu quyết về bất kỳ hợp đồng hay thỏa thuận hoặc đề xuất nào mà có quyền lợi của thành viên đó, hoặc liên quan tới các nghĩa vụ của thành viên đó mà xung đột hoặc có thể xung đột với lợi ích của Công Ty. Thành viên HĐQT sẽ không được tính vào số đại biểu tối thiểu có mặt tại buổi họp nếu nghị quyết thông qua tại cuộc họp là về vấn đề mà thành viên đó không được phép biểu quyết.
 - iii. Theo quy định tại khoản 31.9 (iv) Điều này, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh tại cuộc họp có liên quan đến lợi ích của thành viên HĐQT hoặc liên quan tới quyền biểu quyết của thành viên HĐQT và vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên HĐQT, vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và quyết nghị của Chủ tọa sẽ là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

- iv. Bất kỳ thành viên HĐQT nào liên quan tới hợp đồng theo quy định tại Điều 36.4 của Điều Lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

31.10 Công khai lợi ích

Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công Ty và biết mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà HĐQT lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công Ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên đó biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

31.11 Biểu quyết đa số

HĐQT sẽ thông qua và ra Nghị quyết theo đa số (hơn 50%) trên số thành viên HĐQT tham dự họp trừ trường hợp bãi nhiệm TGD như được quy định tại Điều 34.5 của Điều Lệ này. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch HĐQT.

31.12 Việc bỏ phiếu của người vắng mặt

Các thành viên HĐQT vắng mặt có thể biểu quyết về nghị quyết của HĐQT bằng phương thức bỏ phiếu thông qua thư, fax, thư điện tử. Những phiếu bằng văn bản phải được gửi tới Chủ tịch hoặc nếu không gửi được cho Chủ tịch thì gửi cho thư ký của Chủ tịch, những phiếu thông qua fax, thư điện tử phải được gửi đến hòm thư chính thức hoặc số fax chính thức của Công Ty ít nhất một (1) tiếng trước thời gian quy định tại buổi họp.

31.13 Hợp thông qua phương thức trực tuyến hoặc hình thức khác

Cuộc họp HĐQT có thể dưới hình thức hội nghị giữa các thành viên HĐQT, trong đó một số hoặc tất cả thành viên ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là từng thành viên HĐQT tham gia có thể:

- i. Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; và
- ii. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hội nghị hoặc hình thức thông tin liên lạc khác (có thể đang được sử dụng khi thông qua Điều Lệ này hoặc được phát triển sau này) hoặc kết hợp các hình thức khác nhau. Theo Điều Lệ này, từng thành viên HĐQT tham gia cuộc họp đó sẽ được coi là “có mặt”. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo cách thức quy định tại điều khoản này được xác định theo địa điểm mà nhóm thành viên HĐQT đông nhất tập họp lại, hoặc nếu không có nhóm thành viên nào như vậy, thì địa điểm sẽ được xác định là địa điểm nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Nghị quyết được thông qua trong cuộc họp tổ chức dưới hình thức họp qua điện thoại hoặc hình thức khác sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc buổi họp, nhưng các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này phải xác nhận theo mẫu văn bản của Công Ty.

31.14 Thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Khi cần thiết, Chủ tịch HĐQT có thể quyết định lấy ý kiến các thành viên HĐQT có quyền biểu quyết bằng văn bản theo các thủ tục sau:

- i. Chậm nhất 3 ngày làm việc trước ngày đến hạn gửi phiếu lấy ý kiến, Chủ tịch HĐQT gửi thông báo lấy ý kiến bằng văn bản kèm theo các tài liệu có liên quan đến việc thông qua Nghị quyết cho các thành viên HĐQT;
- ii. Các thành viên HĐQT biểu quyết theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT ghi trong thông báo lấy ý kiến bằng cách gửi phiếu biểu quyết về Công Ty;
- iii. Chủ tịch HĐQT cử ra Ban kiểm phiếu do Chủ tịch HĐQT làm trưởng ban để kiểm tra kết quả kiểm phiếu;
- iv. Căn cứ vào kết quả kiểm phiếu, Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT ký ban hành Nghị quyết của HĐQT về các vấn đề đã được các thành viên HĐQT thông qua.

Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như một nghị quyết được các thành viên HĐQT thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức hợp lệ.

31.15 Biên bản cuộc họp

Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm chuyển biên bản họp HĐQT cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản phải được làm bằng tiếng Việt và phải có các nội dung theo quy định tại Điều 158 Luật Doanh Nghiệp, trừ trường hợp thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Trong trường hợp cần thiết, biên bản cuộc họp HĐQT sẽ được lập hoặc/và dịch sang tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung Biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

31.16 Những người tham dự khác

TGD, các Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác và các chuyên gia có thể tham dự cuộc họp HĐQT theo lời mời của HĐQT nhưng không được biểu quyết, trừ khi chính bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của HĐQT.

31.17 Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp HĐQT có 100% số thành viên HĐQT trực tiếp (bất kể có mặt trực tiếp, thông qua cuộc gọi hội thoại hoặc các hình thức giao tiếp khác) và ủy quyền tham dự, là hợp lệ và có hiệu lực, ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 32. Các tiểu ban thuộc HĐQT

32.1 Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác. Số lượng thành viên của các tiểu ban khác (nếu có) do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

32.2 Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản

trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công ty.

- 32.3 Trong trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
- 32.4 HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng khi HĐQT quyết định chính thức thành lập các tiểu ban.

CHƯƠNG IX

TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức hoạt động

Công Ty sẽ thiết lập hệ thống quản lý trong đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT. Công Ty sẽ có TGD, một số Phó TGD và một Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Tổng Giám Đốc, Người Điều Hành Doanh Nghiệp và Thư ký Công Ty

34.1 Bổ nhiệm

HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc người khác làm TGD và ký hợp đồng quy định về tiền lương, thưởng, ưu đãi và các quy định lao động khác đối với TGD. Mức lương, thưởng, ưu đãi cho TGD phải được báo cáo lên ĐHĐCĐ thường niên và được nêu trong báo cáo hàng năm của Công Ty.

34.2 Nhiệm kỳ

Nhiệm kỳ của TGD là năm (5) năm, trừ khi được quy định khác bởi HĐQT và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo quy định trong hợp đồng lao động. TGD phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn điều kiện tại Điều 162 Luật Doanh Nghiệp; Nếu nhiệm kỳ của TGD đương chức hết hạn mà TGD mới chưa được bổ nhiệm thì nhiệm kỳ của TGD đương chức sẽ được kéo dài cho tới thời điểm TGD mới được bổ nhiệm.

34.3 Quyền và trách nhiệm

TGD có thẩm quyền quyết định những vấn đề sau đây:

- i. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- ii. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- iii. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- iv. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- v. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - vi. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
 - vii. Tuyển dụng lao động;
 - viii. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - ix. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành
- Tổng Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình trong phạm vi phù hợp với nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị và quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Tổng Giám đốc điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

34.4 Báo cáo lên HĐQT và các Cổ Đông

TGD chịu trách nhiệm báo cáo HĐQT và cuộc họp ĐHĐCĐ về việc thực hiện các trách nhiệm của mình và các công việc khác theo yêu cầu.

34.5 Bãi nhiệm

HĐQT có thể bãi nhiệm TGD thông qua phiếu biểu quyết đại diện cho hai phần ba (2/3) tổng số thành viên HĐQT (trường hợp này không tính phiếu biểu quyết của chính TGD) và bổ nhiệm TGD mới thay thế. TGD bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm tại kỳ họp ĐHĐCĐ tiếp theo.

34.6 Người Điều Hành Doanh Nghiệp

- i. Theo đề nghị của TGD và được sự chấp thuận của HĐQT, Công Ty được sử dụng số lượng và loại Người Điều Hành Doanh Nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Công Ty do TGD đề xuất tùy từng thời điểm. Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải có sự miễn cần cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công Ty đạt được các mục tiêu đề ra;
- ii. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với TGD sẽ do HĐQT quyết định và hợp đồng với những Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác sẽ do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của TGD.

34.7 Thư ký Công Ty

HĐQT sẽ chỉ định ít nhất một (1) người làm Thư ký Công Ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công Ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một (1) hay nhiều trợ lý Thư ký Công Ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công Ty bao gồm:

- i. Chuẩn bị cho các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT;
- ii. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp;

- iii. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- iv. Đảm bảo các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, HĐQT phù hợp với luật pháp;
- v. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT;
- vi. Hỗ trợ thành viên HĐQT trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
- vii. Hỗ trợ HĐQT trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
- viii. Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ Cổ Đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ Đông;
- ix. Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- x. Các quyền và nghĩa vụ khác tùy vào quyết định của Chủ tịch HĐQT tại từng thời điểm.

Thư ký Công Ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 35. Lao động

- 35.1 HĐQT quyết định tổng số nhân viên và quỹ lương của Công Ty. TGD trong giới hạn, sẽ toàn quyền lựa chọn tuyển dụng nhân viên theo các quy định của Công Ty. Đối với những vị trí quan trọng như Kế toán trưởng hoặc các vị trí khác được HĐQT xác định, TGD phải có được sự đồng ý của HĐQT trước khi bổ nhiệm hoặc tham gia ký hợp đồng lao động với họ.
- 35.2 Lương, thưởng và các chế độ khác của nhân viên được TGD quyết định theo quy chế lương được HĐQT phê duyệt.
- 35.3 HĐQT chịu trách nhiệm tuân thủ các quy định về lao động trong quá trình sử dụng lao động của Công Ty. HĐQT có quyền dự thảo các quy chế nội bộ của Công Ty ràng buộc tất cả các nhân viên của Công Ty. Các quy chế này phải được HĐQT phê duyệt trước khi thực hiện.

CHƯƠNG X

NHIỆM VỤ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ỦY BAN KIỂM TOÁN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh xung đột về quyền lợi

- 36.1 Thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật Doanh Nghiệp và các quy định Pháp Luật khác. Thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công Ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
- 36.2 Thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của

Công Ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

Thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác phải thông báo cho HĐQT về bất kỳ hợp đồng, giao dịch nào được ký kết giữa Công Ty hoặc Công Ty Con với chính đối tượng đó hoặc Người Có Liên Quan của đối tượng đó. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó.

- 36.3 Trừ trường hợp được ĐHCĐ chấp thuận, Công Ty không được phép cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, TGD, Người Quản Lý, Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác và những Người Có Liên Quan của các đối tượng nêu trên, trừ trường hợp Công Ty và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng Công ty hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Công ty kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
- 36.4 Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng quy định tại Điều 167 Luật Doanh Nghiệp, Người Quản Lý, Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác và Người Có Liên Quan của các đối tượng này sẽ không bị vô hiệu, nếu:
- i. Được HĐQT chấp thuận đối với hợp đồng, giao dịch có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty. Trong trường hợp này, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;
 - ii. Được ĐHCĐ chấp thuận đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty. Trong trường hợp này, Cổ Đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số Cổ Đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.
- 36.5 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được giao kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại điểm i và điểm ii Điều 36.4 Điều Lệ này và gây thiệt hại cho Công Ty. Người ký kết hợp đồng, Cổ Đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
- 36.6 Thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành Doanh Nghiệp hay người có liên quan của họ không được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công Ty hoặc Công Ty Con của Công Ty vào thời điểm họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các Cổ Đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và Bồi thường

37.1 Trách nhiệm về thiệt hại

Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán

và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

37.2 Bồi thường

Công Ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công Ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công Ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, TGD, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công Ty (hay Công Ty Con của Công Ty) ủy quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công Ty (hay Công Ty Con của Công Ty) với tư cách thành viên HĐQT, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được ủy quyền của Công Ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công Ty, trên cơ sở tuân thủ Pháp luật và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ Pháp luật cho phép, Công Ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 38. Trách nhiệm cẩn trọng của thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp

Thành viên HĐQT hoặc TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công Ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

CHƯƠNG XI

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 39. Ủy ban kiểm toán

39.1 Căn cứ Nghị Quyết của ĐHĐCĐ về cơ cấu tổ chức của Công Ty, Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập Ủy ban kiểm toán. Số lượng thành viên của Ủy ban kiểm toán là 02 thành viên và do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

Chủ tịch ủy ban kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập. Thành viên còn lại của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên HĐQT không điều hành.

39.2 Ủy ban Kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau:

- i. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

- ii. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
 - iii. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
 - iv. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.
 - v. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
 - vi. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.
 - vii. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
 - viii. Các quy kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán phải được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.
- 39.3 Thành viên Ủy Ban Kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:
- i. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
 - ii. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.
- 39.4 Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

CHƯƠNG XII

QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 40. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

- 40.1 Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông đề cập trong Điều 9.3 của Điều Lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công Ty về danh sách Cổ Đông gần nhất, các biên bản họp ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ Đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ Đông mà người đồ đại diện hoặc một bản sao được chứng thực hợp lệ của giấy ủy quyền này.

- 40.2 Thành viên HĐQT, TGD và Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác có quyền kiểm tra sổ Đăng Ký Cổ Đông của Công Ty, danh sách Cổ Đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công Ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
- 40.3 Công Ty sẽ phải lưu Điều Lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều Lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp ĐHĐCĐ và HĐQT, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ Đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
- 40.4 Cổ Đông có quyền được Công Ty cấp một bản Điều Lệ Công Ty miễn phí. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử riêng, Điều Lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử đó.

CHƯƠNG XIII

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 41. Phân chia lợi nhuận

- 41.1 Trong bất kỳ năm tài chính nào, Công Ty có thể trả cổ tức cho các Cổ Đông với điều kiện Công Ty có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định Pháp Luật, cũng như đã nộp vào các quỹ và ngay sau khi trả hết cổ tức, Công Ty vẫn đủ khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ và thực hiện các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.
- 41.2 Theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và thanh toán từ lợi nhuận giữ lại của Công Ty và do HĐQT đề xuất.
- 41.3 Theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, HĐQT có thể trả cổ tức tạm thời nếu thấy rằng việc thanh toán đó là phù hợp với khả năng sinh lời của Công Ty. Công Ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 41.4 Theo đề nghị của HĐQT, ĐHĐCĐ có thể phê duyệt việc trả cổ tức toàn bộ hoặc một phần bằng tài sản cụ thể (có thể là Cổ Phần đã mua hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do công ty khác phát hành) và HĐQT sẽ thực hiện nghị quyết này.
- 41.5 Bất kỳ cổ tức hoặc khoản thanh toán nào bằng tiền mặt hoặc Cổ Phần sẽ được thanh toán bằng tiền Việt Nam Đồng thông qua hình thức chuyển khoản qua ngân hàng nếu Công Ty có chi tiết tài khoản của Cổ Đông để Công Ty có thể thực hiện việc chuyển khoản số tiền đó tới tài khoản của Cổ Đông đó, hoặc bằng hình thức gửi séc tới địa chỉ của Cổ Đông trong sổ Đăng Ký Cổ Đông, nếu Công Ty không có thông tin về tài khoản của Cổ Đông.
- 41.6 Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công Ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của Cổ Đông) thì Cổ Đông đó phải chịu. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền

mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể được chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công Ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của Cổ Đông nhằm cho phép Công Ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của Cổ Đông. Trường hợp Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ Đông cung cấp mà Cổ Đông đó không nhận được tiền, Công Ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công Ty chuyển cho Cổ Đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc VSD.

- 41.7 Trường hợp có sự chấp thuận của ĐHCĐ, HĐQT có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu Cổ Phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các Cổ Phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các Cổ Phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những Cổ Phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các Cổ Phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.
- 41.8 Căn cứ Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, HĐQT thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ Đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ Đông hoặc người sở hữu của các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
- 41.9 Công Ty sẽ thanh toán cổ tức cho Cổ Đông ưu đãi phù hợp với thời hạn và điều kiện ghi trong (các) chứng chỉ của Cổ Phần ưu đãi đó.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 42. Tài khoản Ngân hàng

- 42.1 Công Ty có thể mở tài khoản dưới bất kỳ hình thức nào, Việt Nam Đồng hoặc ngoại tệ và dù là vãng lai, tiền gửi hoặc khác, tại một Ngân hàng Việt nam hoặc Ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt nam phù hợp với Pháp luật.
- 42.2 Tùy thuộc vào sự phê chuẩn trước bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Công Ty có thể mở tài khoản ở nước ngoài, nếu cần thiết.
- 42.3 Công Ty thực hiện mọi việc thanh toán và kế toán qua các tài khoản bằng tiền Việt nam hoặc ngoại tệ tại Ngân hàng nơi Công Ty mở tài khoản.

Điều 43. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty sẽ bắt đầu vào ngày đầu tiên của tháng 10 hàng năm và kết thúc vào ngày 30 tháng 9 của cùng liền sau năm đó.

Điều 44. Báo cáo và Chế độ Kế toán

- 44.1 Công Ty sẽ áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam (VAS), hoặc bất kỳ Chế độ kế toán nào khác được Bộ Tài chính duyệt và sẽ lưu giữ các sổ sách kế toán theo thông lệ kế toán chung của Việt Nam.
- 44.2 Công Ty sẽ lưu trữ sổ sách kế toán thể hiện bằng đồng VND. Sổ sách này có thể được chuyển sang thể hiện bằng tiền USD trong trường hợp HĐQT yêu cầu.

- 44.3 Công Ty lưu trữ sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, Công Ty lưu giữ các sổ sách theo đề mục hoạt động kinh doanh mà sổ sách đó liên quan tới. Việc lưu trữ phải chính xác, cập nhật và có hệ thống, đủ để trình bày và mô tả các giao dịch của Công Ty.
- 44.4 Tất cả các tài liệu và báo cáo tài chính kế toán quan trọng phải được phê duyệt và ký bởi TGD và Kế toán trưởng.

Điều 45. Đầu tư Tài chính trong tương lai

- 45.1 Các Cổ Đông không có nghĩa vụ đóng góp thêm tài chính cho Công Ty.
- 45.2 Công Ty có thể tăng vốn, phát hành cổ phần ra công chúng và phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi hoặc các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều Lệ này.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HÀNG NĂM, CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 46. Báo cáo hàng năm, công bố thông tin và thông báo ra công chúng

- 46.1 Công Ty phải chuẩn bị báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của Pháp luật và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều Lệ này và trong vòng chín mươi (90) ngày sau khi kết thúc năm tài chính, nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được ĐHCĐ phê duyệt cùng các tài liệu kèm theo lên cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của Pháp Luật.
- 46.2 Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công Ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công Ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công Ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công Ty và các Công Ty Con vào cuối mỗi năm tài chính.
- 46.3 Công Ty phải lập các báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng Khoán. Báo cáo tài chính quý không phải kiểm toán.
- 46.4 Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo quý và sáu (6) tháng của Công Ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 46.5 Các Cổ Đông quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu (6) tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công Ty, tại trụ sở chính của Công Ty sau khi thông báo trước cho Công Ty năm (5) ngày làm việc và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
- 46.6 Công bố thông tin và thông báo ra công chúng
Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế

hữu quan và cơ quan có thẩm quyền theo các quy định của Luật Doanh Nghiệp và Pháp Luật hiện hành.

Điều 47. Báo cáo thường niên

Công Ty phải lập và công bố báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 48. Kiểm toán

- 48.1 Trong trường hợp Pháp Luật yêu cầu hoặc khi cần thiết, một công ty kiểm toán có uy tín hoặc đủ điều kiện theo quy định của Pháp Luật sẽ được TGD chỉ định/lựa chọn là công ty kiểm toán chính thức thực hiện việc kiểm toán cho Công Ty trong năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều kiện và điều khoản thoả thuận với Công Ty. Chi phí cho việc kiểm toán sẽ do Công Ty chịu.
- 48.2 Công Ty chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi hết năm tài chính.
- 48.3 Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công Ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho HĐQT trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 48.4 Một bản sao báo cáo kiểm toán sẽ được đính kèm và là một phụ lục của báo cáo kế toán hàng năm của Công Ty.
- 48.5 Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công Ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp ĐHĐCĐ và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến ĐHĐCĐ mà các Cổ Đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 49. Con dấu

- 49.1 HĐQT quyết định hình thức, nội dung, số lượng và việc sử dụng con dấu tùy từng thời điểm và theo quy định của Pháp Luật.
- 49.2 TGD Công Ty chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng Con dấu phù hợp với quy định Pháp luật hiện hành.

Điều 50. Bảo mật

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của HĐQT, không một thành viên nào của HĐQT, Người Điều Hành Doanh Nghiệp, Cổ Đông hoặc người có liên quan nào được phép tiết lộ bất kỳ thông tin nào liên quan tới Công Ty hoặc các hoạt động kinh doanh của Công Ty mà thông tin đó không được phổ biến hoặc không dễ suy luận từ các thông tin đã được phổ biến rộng rãi, trừ khi người tiếp nhận thông tin là:

- 50.1 Công ty thành viên của Công Ty (nếu có); hoặc
- 50.2 Các Cổ Đông theo như quy định tại Điều Lệ này hoặc Nghị quyết của ĐHĐCĐ; hoặc
- 50.3 Người Điều Hành Doanh Nghiệp và nhân viên của Công Ty hoặc các kiểm toán viên, tư vấn với lý do những người này cần biết thông tin để thực hiện công việc của mình trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công Ty. Nhưng trong các trường

- hợp này, người tiếp nhận thông tin phải bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 50.4 Các Cổ Đông hoặc giám đốc (hoặc tổng giám đốc) của Cổ Đông (trường hợp Cổ Đông là pháp nhân), hoặc các tư vấn và nhà cung cấp dịch vụ của Cổ Đông, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 50.5 Cho một số lượng nhất định các nhà đầu tư tiềm năng đang tìm kiếm cơ hội để mua, trực tiếp hoặc gián tiếp, bất kỳ Cổ Phần nào trong Công Ty, với điều kiện là những người này phải cam kết bằng văn bản sẽ bảo mật các thông tin tiếp nhận và không tiết lộ cho bất cứ người nào khác; hoặc
- 50.6 Các nội dung được yêu cầu phải cung cấp thông tin theo quy định của Pháp Luật, quy định về giao dịch chứng khoán hoặc theo lệnh, yêu cầu, của một cơ quan tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; hoặc
- 50.7 Cơ quan thuế theo yêu cầu hợp lý và nhằm mục đích phục vụ việc kê khai nộp thuế mà Cổ Đông liên quan.

CHƯƠNG XVI

CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ GIẢI THỂ

Điều 51. Chấm dứt hoạt động

- 51.1 Công Ty chấm dứt hoạt động hoặc bị giải thể trong các trường hợp sau:
- i. Hết thời hạn hoạt động và bất cứ lần gia hạn nào sau đó;
 - ii. Theo phán quyết của các Tòa án của Việt Nam tuyên bố phá sản Công Ty theo quy định Pháp Luật hiện hành;
 - iii. Chấm dứt trước thời hạn theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
 - iv. Bị thu hồi, hủy bỏ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
 - v. Không đủ số lượng Cổ Đông tối thiểu theo quy định của Pháp Luật trong thời gian liên tục sáu (6) tháng liên tiếp; hoặc
 - vi. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 51.2 Nghị quyết giải thể Công Ty trước thời hạn (hoặc gia hạn) phải được ĐHĐCĐ thông qua và được HĐQT thực hiện và phải được thông báo tới cơ quan nhà nước có thẩm quyền xin phê chuẩn nếu cần thiết. Thông báo này phải được thực hiện phù hợp với quy định của Điều 202 của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 52. Gia hạn thời hạn hoạt động

- 52.1 Thời hạn hoạt động của Công Ty là vô hạn theo quy định tại Điều 2.6 Điều Lệ này, trong trường hợp muốn thay đổi thời hạn hoạt động của Công Ty, HĐQT phải triệu tập họp ĐHĐCĐ để các Cổ Đông biểu quyết về việc thay đổi Thời Hạn hoạt động theo thời hạn mới mà HĐQT đề xuất.

52.2 Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn bằng một Nghị quyết có hiệu lực được các Cổ Đông đại diện cho ít nhất 65% số Cổ Phần phổ thông có quyền biểu quyết có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.

Điều 53. Thanh lý

- 53.1 Ít nhất sáu (6) tháng sau khi có Nghị quyết giải thể Công Ty, HĐQT phải thành lập Ban thanh lý bao gồm ba (3) thành viên và phải đưa ra trách nhiệm của Ban thanh lý. Hai (2) thành viên sẽ được chỉ định bởi ĐHĐCĐ và một (1) thành viên được chỉ định bởi HĐQT từ một công ty kiểm toán độc lập. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công Ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công Ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công Ty
- 53.2 Ban thanh lý chịu trách nhiệm báo cáo với Phòng đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của mình. Kể từ khi đó, Ban thanh lý sẽ đại diện Công Ty trong mọi công việc liên quan tới quá trình thanh lý trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
- 53.3 Số tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo Pháp luật.
- 53.4 Quá trình hoạt động của Ban thanh lý không được kéo dài quá sáu (6) tháng kể từ ngày được thành lập. Quá thời hạn trên, cho dù việc thanh lý vẫn chưa được hoàn thành, thì Ban thanh lý vẫn phải chấm dứt hoạt động. Trong trường hợp này, các Cổ Đông sẽ tự giải quyết các vấn đề còn lại. Trường hợp có phát sinh tranh chấp, sẽ được giải quyết theo Điều 56 của Điều Lệ này.

Điều 54. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên HĐQT và Cổ Đông

Trừ khi Điều Lệ này có quy định khác, các Cổ Đông nắm giữ từ 51% số Cổ Phần đang lưu hành và có quyền biểu quyết trong việc bầu thành viên HĐQT có quyền đệ đơn khiếu nại tới Toà án để yêu cầu giải thể Công Ty theo một hay một số các căn cứ sau đây, sau khi ĐHĐCĐ đã được tiến hành tụy đạt được từ 51% tổng số cổ phiếu biểu quyết tán thành nhưng không đủ số phiếu cần thiết theo Điều 24.1(ii) của Điều Lệ để thông qua việc giải thể theo phương án của nhóm Cổ Đông này:

- i. Các thành viên HĐQT không thống nhất trong quản lý các công việc của Công Ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để HĐQT hoạt động.
- ii. Các Cổ Đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên HĐQT.
- iii. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai (2) hoặc nhiều nhóm Cổ Đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể Cổ Đông.

CHƯƠNG XVII

THÔNG BÁO, GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 55. Thông báo

- 55.1 Bất kỳ thông báo nào theo Điều Lệ này sẽ được lập thành văn bản bằng tiếng Việt, trường hợp cần thiết sẽ được lập thêm bằng tiếng Anh.

- 55.2 Bất kỳ thông báo được gửi đi như dưới đây sẽ được xem như đã được nhận:
- i. Nếu được trao tận tay, tại thời điểm giao nhận hoặc thời điểm từ chối nhận;
 - ii. Nếu được gửi bằng đường bưu điện, ba (3) ngày sau ngày gửi (hoặc bảy (7) ngày sau ngày gửi nếu được gửi đi hoặc đến từ ngoài lãnh thổ Việt nam); hoặc
 - iii. Nếu được gửi bằng fax, khi máy fax của người gửi có tín hiệu báo việc gửi fax đã hoàn tất, trừ khi trong vòng tám (8) tiếng đồng hồ sau khi gửi, người nhận thông báo rằng họ vẫn chưa nhận được toàn bộ bản fax.
- 55.3 Trường hợp Cổ Đông là một nhóm người cùng đứng tên, thì thông báo sẽ được gửi cho người có tên đứng đầu tiên trong sổ Đăng Ký Cổ Đông và thông báo gửi cho người đó sẽ có giá trị cho tất cả những người khác.
- 55.4 Công Ty sẽ thực hiện các nỗ lực hợp lý để bảo đảm tính chính xác của các địa chỉ trong Sổ Đăng Ký Cổ Đông và Chủ tịch HĐQT sẽ sửa đổi các địa chỉ của Cổ Đông nếu nhận được thông báo bằng văn bản từ Cổ Đông đó.

Điều 56. Giải quyết tranh chấp

- 56.1 Trường hợp có tranh chấp hoặc khiếu nại phát sinh liên quan tới hoạt động của Công Ty hoặc các quyền của Cổ Đông theo Điều Lệ này hoặc theo quy định của Pháp Luật, giữa:
- i. Cổ Đông và Công Ty; hoặc
 - ii. Cổ Đông và HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác, thì các bên liên quan sẽ cố gắng cùng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các vấn đề liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới HĐQT hay Chủ tịch HĐQT, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Trung tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC) chỉ định một hòa giải viên để hành động với tư cách trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp, chi phí hòa giải sẽ do bên yêu cầu chịu.
- 56.2 Trường hợp không đạt được thỏa thuận hòa giải trong vòng sáu (6) tuần kể từ ngày bắt đầu quá trình hòa giải, hoặc đề nghị hòa giải không được hai bên đồng ý, thì bất kỳ bên nào cũng có thể đưa vụ việc ra Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (VIAC), để có quyết định cuối cùng theo các quy định hiện hành của Quy Tắc Trọng Tài của VIAC có hiệu lực tại thời điểm nộp đơn theo hướng dẫn như sau:
- i. Địa điểm: Hà Nội.
 - ii. Ngôn ngữ tố tụng: Tiếng Việt.
 - iii. Số lượng Trọng tài viên: Ba (3) trọng tài viên. Mỗi bên tham gia vào tranh chấp sẽ chỉ định một trọng tài viên và trọng tài viên thứ ba sẽ được chỉ định bởi hai trọng tài viên đã được chỉ định, hoặc bởi VIAC, theo Quy Tắc Trọng Tài của VIAC, đóng vai trò Chủ tịch Hội đồng trọng tài.
 - iv. Phán quyết: Phán quyết trọng tài sẽ là chung thẩm và có hiệu lực bắt buộc thi hành với các bên.
 - v. Chi phí: Chi phí trọng tài sẽ do bên thua kiện chịu, trừ khi được quy định khác theo phán quyết.

- vi. Thi hành: Bên thắng kiện theo phán quyết có thể yêu cầu tòa án (bao gồm cả tòa án nơi mà bên thua có tài sản) hoặc cơ quan tư pháp thi hành phán quyết trọng tài.

CHƯƠNG XVIII SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 57.1 Việc sửa đổi và bổ sung Điều Lệ phải được thực hiện theo Điều 24.1(ii) của Điều Lệ này.
- 57.2 Bất kỳ quy định Pháp Luật nào liên quan tới hoạt động của Công Ty mà không được quy định tại Điều Lệ này hoặc có quy định Pháp Luật mới ban hành mà trái với Điều Lệ này thì quy định mới đó sẽ được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công Ty.

Điều 58. Ngày hiệu lực

- 58.1 Điều Lệ này gồm 18 chương và 58 Điều và là bản Điều Lệ hợp pháp và chính thức của Công Ty, thay thế các bản Điều lệ ban hành trước đây cùng các bản sửa đổi, bổ sung Điều Lệ,
- 58.2 Công ty sẽ cung cấp bản sao y hoặc bản trích lục của Điều Lệ theo quy định nội bộ của Công ty về việc cung cấp bản sao hoặc bản trích lục và theo quy định của Pháp Luật.

**CHỮ KÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



HÀ THẦN THỨC LUÂN

PHỤ LỤC 01

(Đính kèm Điều lệ Công ty cổ phần Địa Ốc First Real)

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CỦA CÔNG TY

ST T	CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	GIÁ TRỊ CỔ PHẦN (MỆNH GIÁ) (VNĐ)
1	Nguyễn Hào Hiệp	Tổ 108 phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	0	0
2	Đinh Văn Võ	Thành Tây, Xã Văn Phú, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam	0	0
3	Nguyễn Hữu Đức	Thôn 4, Xã Duy Hòa, Huyện Duy Xuyên, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	2.002	2.002
4	Nguyễn Đức Tâm	Tổ 11, Thôn Quý Thạch, Huyện Thăng Bình, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	0	0

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL**

Đà Nẵng, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế nội bộ về quản trị (sau đây gọi tắt là “Quy Chế Quản Trị” hoặc “Quy Chế”) Công ty CP Địa ốc FIRST REAL (“FIRST REAL”) được xây dựng và ban hành nhằm đảm bảo cho FIRST REAL được quản lý điều hành và kiểm soát theo những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty đại chúng, gồm: đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị (“HDQT”), Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng Giám đốc; đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; công khai minh bạch mọi hoạt động của Công Ty.

2. Quy Chế Quản Trị quy định các vấn đề liên quan đến quản trị Công ty CP Địa ốc FIRST REAL, bao gồm: Đại hội đồng cổ đông (“ĐHĐCĐ”), HDQT, Ủy ban kiểm toán, Ban Tổng giám đốc, giao dịch với người có liên quan, báo cáo và công bố thông tin, và các nội dung khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

“**Điều Lệ**” được hiểu là Điều Lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Địa ốc FIRST REAL được ĐHĐCĐ thông qua;

“**Công Ty**” được hiểu là Công ty Cổ phần Địa ốc FIRST REAL.

“**ĐHĐCĐ**” có nghĩa là Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

“**HDQT**” có nghĩa là Hội đồng quản trị của Công ty.

“**UBKT**” có nghĩa là Ủy Ban Kiểm toán của Công ty

“**Cổ đông lớn**” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán.

“**Cán Bộ Quản Lý**” có nghĩa là Tổng Giám Đốc (“**TGD**”) và các Phó Tổng Giám đốc (“**PTGD**”), Kế Toán Trưởng và các nhân sự khác được HDQT phê chuẩn là người điều hành của Công Ty.

“**Người Quản Lý**” có nghĩa là các cán bộ giữ các vị trí Chủ tịch HDQT, thành viên HDQT, TGD và các vị trí quản lý khác trong Công Ty được HDQT ủy quyền tham gia các giao dịch dưới danh nghĩa của Công Ty.

“**Người Có Liên Quan**” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

2. Trong Quy Chế này, các quy định tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào khác sẽ được hiểu là quy định tham chiếu tới tất cả các sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó. Trong Quy Chế này các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản Pháp Luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó. Các thuật

ngữ được viết hoa nhưng không được định nghĩa tại Quy Chế này có nghĩa như được quy định tại Điều Lệ.

CHƯƠNG II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐÔNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán và Điều Lệ Công Ty, ngoài ra cổ đông Công ty có các quyền sau đây:

- a. Quyền tự do chuyển nhượng Cổ Phần đã được thanh toán đầy đủ và được ghi trong Sổ Đăng ký Cổ đông của Công ty, trừ một số trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ và các nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- b. Quyền được đòi xử công bằng. Mỗi Cổ Phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công Ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại Cổ Phần Ưu Đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- c. Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Công Ty do Công Ty công bố theo quy định của Pháp Luật.
- d. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (nếu có áp dụng);
- e. Quyền được ưu tiên mua Cổ Phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu Cổ Phần trong Công Ty

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trong trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty hoặc vi phạm những quyền lợi cơ bản của Cổ Đông hoặc Công Ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

3. Cổ Đông Lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty. Cổ Đông Lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật.

Điều 4. Cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Hàng năm, Công Ty sẽ triệu tập và tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ. Ngoài cuộc họp thường niên, ĐHĐCĐ của Công Ty có thể họp bất thường theo quyết định của HĐQT hoặc trong các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật dưới hình thức họp trực tiếp hoặc lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản.

2. Công Ty quy định trong Điều Lệ và/hoặc quy chế nội bộ về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ gồm các nội dung chính sau:

- a) Thông báo về việc chốt danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ;
- b) Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ;
- c) Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ;
- d) Cách thức biểu quyết và thông báo kết quả biểu quyết;

- e) Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ;
- f) Lập Biên bản họp ĐHĐCĐ;
- g) Thông báo các Nghị quyết ĐHĐCĐ ra công chúng;
- h) Các vấn đề khác (nếu có).

3. Danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp ĐHĐCĐ. Công Ty báo cáo VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng trên phương tiện thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên Website của Công ty.

4. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ đồng thời công bố trên phương tiện công bố thông tin của Sở Giao Dịch Chứng Khoán và trên Website của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại ĐHĐCĐ được gửi cho các Cổ Đông trong danh sách Cổ Đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ hoặc đăng tải trên Website của Công Ty (nếu có). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ Website để các Cổ Đông có thể tiếp cận.

5. Cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ:

- a) Cổ Đông có thể xác nhận việc tham dự họp ĐHĐCĐ theo một trong các cách thức sau:
 - (i) Gửi giấy xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ đến Công Ty; (ii) Xác nhận với người được ghi tên trong thông báo mời họp là người thay mặt Công Ty tiếp nhận xác nhận tham dự họp ĐHĐCĐ qua điện thoại, thư điện tử hoặc fax như được nêu tại thông báo mời họp;
- b) Nếu Cổ Đông không thể tham dự họp ĐHĐCĐ thì có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự họp ĐHĐCĐ theo quy định của Điều Lệ. Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ phải lập thành văn bản theo mẫu của Công Ty đăng trên Website của Công Ty hoặc được đính kèm thông báo mời họp. Người được ủy quyền dự họp ĐHĐCĐ phải nộp văn bản ủy quyền (bản gốc) cho Công Ty trước khi vào phòng họp;
- c) Vào ngày tổ chức họp ĐHĐCĐ, Công Ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ Đông cho các Cổ Đông có quyền dự họp có mặt;
- d) Cổ Đông đến tham dự họp ĐHĐCĐ muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp để cho Cổ Đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi Cổ Đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.

6. Cách thức biểu quyết:

- a) Khi tiến hành đăng ký Cổ Đông, Công Ty cấp cho từng Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp của Cổ Đông có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ Đông, họ và tên Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Họp và số phiếu biểu quyết của Cổ Đông đó.

Tất cả Cổ Đông đã làm thủ tục đăng ký tham dự được quyền tham gia phát biểu ý kiến và biểu quyết các vấn đề trong nội dung chương trình ĐHĐCĐ.

b) Cách thức biểu quyết:

Việc biểu quyết các vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ sẽ được thực hiện theo các quy định sau:

i. Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu

Các nội dung biểu quyết được ghi trong phiếu biểu quyết sẽ được Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung cần lấy ý kiến.

ii. Các Cổ Đông bỏ phiếu theo nguyên tắc sau:

Việc bỏ phiếu được bắt đầu từ khi có hiệu lệnh của Chủ tọa cuộc họp hoặc Trưởng ban kiểm phiếu và kết thúc khi Cổ Đông, Đại Diện Theo Ủy Quyền hoặc Người Được Ủy Quyền Dự Hội cuối cùng bỏ phiếu vào thùng phiếu hoặc sau 30 phút kể từ thời điểm bắt đầu bỏ phiếu tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước. Sau khi kết thúc việc bỏ phiếu, hòm phiếu sẽ được niêm phong và Ban kiểm phiếu sẽ tiến hành việc kiểm phiếu biểu quyết ngay sau đó.

c) Cách thức kiểm phiếu biểu quyết:

Việc kiểm phiếu biểu quyết được thực hiện theo các phương thức sau đây:

- i. Kiểm phiếu biểu quyết tán thành Nghị quyết, sau đó kiểm phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng là tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- ii. Bằng việc sử dụng phần mềm máy tính và phương tiện công nghệ, kỹ thuật số;
- iii. Phương thức khác được ĐHĐCĐ thông qua.

d) Thông báo kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

Kết quả kiểm phiếu biểu quyết từng vấn đề làm việc của ĐHĐCĐ được Trưởng ban kiểm phiếu đọc tại đại hội ngay sau khi việc kiểm phiếu kết thúc.

e) Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT được thực hiện theo phương thức bầu phổ thông đầu phiếu hoặc bầu dồn phiếu tùy theo các Nghị quyết hoặc quy chế bầu cử do ĐHĐCĐ phê duyệt tại từng thời điểm. Trong trường hợp bầu thành viên HĐQT theo phương thức bầu dồn phiếu, việc bầu được thực hiện theo nguyên tắc như sau:

- i. Mỗi Cổ Đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số Cổ Phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT. Cổ Đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một (01) hoặc một số ứng cử viên;
- ii. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cần bầu cuối cùng, ĐHĐCĐ sẽ tiến hành bầu tiếp trong số các

ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc quyết định lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được ĐHĐCĐ phê duyệt theo từng thời kỳ (nếu có).

7. HĐQT hoặc người triệu tập họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự của ĐHĐCĐ một cách hợp lý, bố trí thời gian hợp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ. Trình tự, thủ tục phản đối quyết định của ĐHĐCĐ, lập biên bản họp ĐHĐCĐ và công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ Công Ty.

8. Tùy theo từng điều kiện cụ thể của mỗi cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT Công ty có thể quyết định áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, việc biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác được thực hiện theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

9. Các nguyên tắc, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Cổ Đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ được quy định tại Điều Lệ Công Ty.

Điều 4a. Trình tự, thủ tục họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT có thể quyết định hình thức họp ĐHĐCĐ trực tuyến. ĐHĐCĐ trực tuyến sẽ áp dụng các biện pháp công nghệ hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, biểu quyết thông qua bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc các hình thức khác phù hợp với cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến.

2. Cổ đông phải đăng ký thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc và/hoặc địa chỉ thư điện tử chính xác để đảm bảo nhận được thư thông báo tài khoản tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này với Công ty.

3. Cổ đông sẽ sử dụng tài khoản truy cập do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp và thực hiện họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho tất cả các đợt biểu quyết của Công ty mà cổ đông được quyền bỏ phiếu.

4. Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật các tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới tham dự họp Đại hội/bỏ phiếu điện tử trên hệ thống do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê cung cấp. Kết quả bỏ phiếu được Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ do Công ty thuê thống kê trên cơ sở tên truy cập, mật khẩu và các yếu tố định danh của cổ đông và mặc nhiên được coi là ý chí biểu quyết của cổ đông. Cổ đông chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện thông qua tài khoản truy cập của cổ đông trên hệ thống họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến/bỏ phiếu điện tử do Công ty hoặc Bên cung cấp dịch vụ cung cấp.

5. HĐQT ban hành và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Quy chế về việc tham dự họp ĐHĐCĐ trực tuyến cùng với tài liệu mời họp ĐHĐCĐ trước ít nhất 21 ngày tính từ thời điểm khai mạc Đại hội, với nội dung cơ bản như sau:

- a. Hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục tổ chức và tiến hành họp ĐHĐCĐ dưới hình thức họp trực tuyến;

- b. Quy định cách thức bỏ phiếu điện tử, gửi phiếu biểu quyết thông qua thư/fax/thư điện tử và các hình thức biểu quyết tương đương khác để cổ đông có thể thực hiện quyền biểu quyết của mình tại cuộc họp ĐHĐCĐ tổ chức hình thức hội nghị trực tuyến;
- c. Các nội dung khác liên quan đến tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến.

Điều 5. Báo cáo của HĐQT tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
- c) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.
- e) Hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị.
- f) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
- g) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
- h) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- i) Các kế hoạch trong tương lai.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên Website của Công ty. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Tên các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị và các chức danh Quản lý khác; và
- Các lợi ích có liên quan tới Công Ty (nếu có).

2. Cổ Đông hoặc nhóm Cổ đông nắm giữ Cổ Phần có quyền biểu quyết tại thời điểm chốt danh sách Cổ Đông dự họp có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty. Việc đề cử ứng viên HĐQT bởi nhóm Cổ Đông sau khi gộp số quyền biểu quyết có quyền đề cử được thực hiện bằng cách gửi văn bản đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHCĐ, trong đó nêu rõ tên của Cổ Đông, số lượng và loại Cổ Phần nắm giữ, và các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm (các) ứng viên tại cuộc họp ĐHCĐ. Việc HĐQT đề cử thêm ứng viên phải được HĐQT đương nhiệm quyết định theo nguyên tắc đa số thông qua một cuộc họp HĐQT và được công bố rõ ràng trước khi ĐHCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ Công Ty.

Điều 7. Thành phần HĐQT

1. Số thành viên của HĐQT từ ba (03) đến bảy (07) người. Thành viên của HĐQT không nhất thiết phải là Cổ Đông của Công Ty hoặc có quốc tịch Việt Nam hoặc cư trú tại Việt Nam và cần đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

Tổng số thành viên HĐQT không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Công ty phải đảm bảo có ít nhất 01 thành viên HĐQT là thành viên độc lập.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Trong trường hợp số thành viên HĐQT bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên HĐQT lớn nhất quy định tại Điều Lệ, được làm tròn tới số nguyên gần nhất. Trường hợp này, HĐQT phải triệu tập họp ĐHCĐ trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên HĐQT.

Điều 8. Tiêu chuẩn, quyền và trách nhiệm của thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, Điều Lệ và Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản Pháp Luật liên quan và Điều Lệ, đặc biệt là quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.

3. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a) Tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp, các văn bản Pháp Luật liên quan;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

- c) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
- d) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;
- e) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của Pháp Luật.

Điều 9. Quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT

HĐQT có các quyền hạn và trách nhiệm theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty, trong đó bao gồm:

- a) Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động;
- b) Chào bán và/hoặc phát hành Cổ Phần mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- c) Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định bởi Điều Lệ này, Pháp Luật, cũng như theo quyết định khác của ĐHĐCĐ;
- d) Huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định Pháp Luật;
- e) Giá chào bán của từng loại Cổ Phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- f) Mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
- g) Đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan như được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty;
- h) Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác mà HĐQT xét thấy cần thiết;
- k) Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
- l) Thành lập Công Ty Con và quyết định các vấn đề có liên quan; quyết định các giao dịch của Công Ty Con do Công Ty là Chủ sở hữu hoặc kiểm soát;
- m) Lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định các vấn đề liên quan;
- n) Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;

- o) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đổ hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
- p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định hoặc/và phân cấp giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp quyết định;
- q) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- r) Đề xuất mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- s) Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;
- t) Định giá tài sản đóng góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- u) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- v) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này, Pháp Luật và quyết định của ĐHĐCĐ.

Điều 10. Cuộc họp HĐQT

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều Lệ. Việc tổ chức cuộc họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp HĐQT trị phải được lưu giữ theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.

Điều 11. Các tiểu ban thuộc HĐQT

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập các tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng và các vấn đề khác. Số lượng thành viên của các tiểu ban khác (nếu có) do Hội đồng quản trị quyết định. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều Lệ Công ty.

3. Trong trường hợp không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.

4. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập HĐQT được cử phụ

trách về nhân sự, lương thưởng khi HĐQT quyết định chính thức thành lập các tiểu ban.

Điều 12. Người phụ trách quản trị Công Ty

1. HĐQT phải bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của người phụ trách quản trị Công Ty (“**Người Phụ Trách Quản Trị**”). Người Phụ Trách Quản Trị có thể kiêm nhiệm làm thư ký của Công Ty theo quy định tại Luật Doanh Nghiệp.

2. Người Phụ Trách Quản Trị phải là người có hiểu biết về Pháp Luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công Ty.

3. Người Phụ Trách Quản Trị có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 13. Thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán là 02 người. Thành viên Ủy Ban kiểm toán do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Chủ tịch ủy ban kiểm toán là thành viên HĐQT độc lập. Thành viên còn lại của Ủy ban kiểm toán phải là thành viên HĐQT không điều hành

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty.
- b. Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Thành viên Ủy ban kiểm toán có các quyền theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, thành viên Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Ủy ban kiểm toán.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Pháp Luật, Điều Lệ Công Ty.

3. Thực hiện các công việc được giao bằng hết năng lực và sự tận tụy, đảm bảo chất lượng và tiến độ.

4. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy chế tổ chức và hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy Ban kiểm toán có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.

2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.

3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.

4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của công ty.

5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

7. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 lần trong một năm. Biên bản họp Ủy ban kiểm toán được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ủy ban kiểm toán phải được lưu giữ đầy đủ.

8. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động ủy ban kiểm toán, các quy chế quy định khác của Công ty và pháp luật.

Điều 16. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có thể họp bất thường nếu có yêu cầu từ HĐQT hoặc Chủ tịch UBKT xét thấy cần thiết để giải quyết công việc của công ty.

2. Chủ tịch UBKT gửi thông báo họp đến các thành viên cùng các tài liệu, hồ sơ và các nội dung liên quan chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày tổ chức họp. Trường hợp cần thiết, trường ban có thể hỏi ý kiến các thành viên để họp thời gian sớm hơn nếu được toàn thể các thành viên của Ủy ban đồng ý.

3. Cuộc họp có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc thông qua các phương tiện kết nối trực tuyến. Việc tham gia thảo luận, phát biểu, biểu quyết tại cuộc họp thông qua phương tiện kết nối trực tuyến có giá trị như họp trực tiếp. Cuộc họp có đủ điều kiện tổ chức khi có đa số thành viên của ban tham dự.

4. Ngoài việc họp để giải quyết công việc, Chủ tịch UBKT cũng có thể làm việc thông qua lấy ý kiến bằng văn bản đối với các thành viên. Trong việc giải quyết các vấn đề cần quyết định của tập thể, việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thay thế lấy ý kiến tại cuộc họp theo quy định tại khoản 3 Điều này. Thời hạn lấy ý kiến là 03 ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo xin ý kiến bằng văn bản của các thành viên.

CHƯƠNG V

CHỦ TỊCH HĐQT, PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 17. Quyền hạn và nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT, Phó chủ tịch HĐQT

1. HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và Chủ tịch HĐQT sẽ lựa chọn ra trong số các thành viên HĐQT một số Phó Chủ tịch (nếu thấy cần thiết).
2. Chủ tịch HĐQT có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của HĐQT. Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của HĐQT;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp HĐQT;
 - c. Tổ chức việc thông qua quyết định của HĐQT;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của HĐQT;
 - e. Triệu tập và chủ tọa các cuộc họp ĐHĐCĐ; thay mặt ĐHĐCĐ ký các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua;
 - f. Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của HĐQT;
 - g. Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên HĐQT không điều hành/độc lập hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong HĐQT;
 - h. Thực hiện các quyền, nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ và/hoặc Nghị quyết của HĐQT theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế.

Điều 18. Ban Tổng Giám đốc, phân quyền điều hành của thành viên Ban Tổng giám đốc

1. Các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty bao gồm: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và thành viên khác do HĐQT bổ nhiệm.
2. Tổng giám đốc là Người đại diện theo Pháp Luật của Công ty và là người được đăng ký chịu trách nhiệm cung cấp tài liệu và làm việc với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Tổng Giám đốc có quyền và trách nhiệm quản lý điều hành các lĩnh vực hoạt động sau đây của Công ty:

- Hoạt động quan hệ đối ngoại của Công ty với Cơ quan quản lý Nhà nước và phát triển quan hệ đối tác hợp tác kinh doanh;
 - Hoạt động đầu tư Bất động sản ngắn hạn;
 - Đại diện Ban Tổng giám đốc trình hoặc báo cáo trước HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ đối với các hoạt động cần thiết phải đứng tên Tổng giám đốc;
 - Hoạt động khác theo sự phân công của HĐQT.
3. Kế toán trưởng có quyền và trách nhiệm trực tiếp quản lý điều hành các lĩnh vực hoạt động sau đây:

- Thực hiện kiểm tra, giám sát quản lý tài chính tại các bộ phận;
 - Kiểm soát thực hiện ngân sách và chi phí hoạt động của Công ty;
 - Tổ chức hoạt động hạch toán kế toán của toàn Công ty;
 - Tổ chức thực hiện việc lập báo cáo phục vụ các mục đích khác nhau của công ty (bao gồm báo cáo kế toán tài chính, báo cáo thuế và kiểm toán, báo cáo quản trị và các báo cáo số liệu hỗ trợ cho hoạt động giám sát vận hành và kinh doanh; báo cáo cảnh báo lên Ban Tổng Giám đốc hoặc khi có yêu cầu của các thành viên Ban tổng giám đốc, HĐQT);
 - Hoạt động khác theo sự phân công của HĐQT.
4. Thành viên khác của Ban Tổng giám đốc có các quyền và trách nhiệm căn cứ theo quyết định phân quyền của HĐQT.

5. Khi thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn trong các lĩnh vực hoạt động được phân quyền quản lý điều hành thì các thành viên Ban Tổng giám đốc được độc lập thực hiện việc quản lý điều hành hoạt động thuộc lĩnh vực mà mình được phân quyền.

Mỗi thành viên Ban tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo/thông tin kịp thời cho HĐQT về các công việc mà mình quản lý điều hành. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc không được can thiệp, cản trở hoặc làm ảnh hưởng đến các công việc thuộc lĩnh vực hoạt động do thành viên khác của Ban tổng giám đốc quản lý điều hành.

Điều 20. Quyền hạn và nhiệm vụ của Tổng Giám Đốc

Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và được quy định cụ thể như sau:

- a. Xây dựng và đệ trình kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty cho HĐQT và báo cáo ĐHĐCĐ; Tổ chức thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, kế hoạch kinh doanh năm, kế hoạch đầu tư của Công Ty được phê duyệt bởi HĐQT hoặc/và ĐHĐCĐ;
- b. Điều hành và quyết định các hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty. Một hoạt động sẽ được coi là hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công Ty nếu như hoạt động đó không thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ hay của HĐQT;
- c. Quyết định các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, hợp đồng thương mại, dân sự, tài chính, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và hợp đồng khác có giá trị dưới 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại Điều 9.g và thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ/HĐQT;

- d. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Giám đốc các công ty con, Trưởng Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Công ty và các chức danh quản lý khác, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT;
- e. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong công ty, kể cả các chức danh thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của TGD;
- f. Quyết định tuyển dụng lao động;
- g. Đề xuất các biện pháp nâng cao hoạt động sản xuất kinh doanh và quản lý của Công Ty;
- h. Được ủy quyền cho cấp dưới và người khác thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước HĐQT về việc ủy quyền đó;
- i. Trong thời gian sớm nhất có thể, trước cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hàng năm, TGD phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- j. Thực hiện các hoạt động khác thuộc trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều Lệ, nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT, ủy quyền hoặc phân cấp của HĐQT, hợp đồng lao động của TGD và Pháp luật; và
- k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật, Điều Lệ, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công Ty.

Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ của Kế toán trưởng

Kế toán trưởng có các nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể như sau:

- a. Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ; tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đối với các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý điều hành đã được HĐQT và/hoặc ĐHĐCĐ thông qua.
- b. Đề xuất phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty trong lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý điều hành;
- c. Đề xuất số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của chức danh quản lý và người lao động khác trong lĩnh vực hoạt động mà mình quản lý điều hành.
- d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động giám sát tài chính và quản lý kinh doanh của Công ty;
- e. Cùng với các thành viên khác của Ban tổng giám đốc chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là Bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình đề HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty. Đối với hoạt động này thì Kế toán trưởng là đầu mối tổ chức thực hiện các công việc.
- f. Tham gia cùng Tổng giám đốc trong việc kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh.

- g. Tham gia cùng Bộ phận kiểm soát nội bộ để hỗ trợ xây dựng các chỉ tiêu kinh tế và đo lường chất lượng hoạt động của Công ty.

Điều 22. Cán bộ quản lý do HĐQT, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc phê duyệt

1. Các cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm của HĐQT bao gồm: Tổng giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc; Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác.
2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với chức danh quản lý do HĐQT, Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm sẽ do Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT quyết định trên cơ sở ý kiến đề xuất của Giám đốc nhân sự và/hoặc thành viên Ban Tổng giám đốc theo từng chức danh cụ thể.

Điều 23. Thư ký Công ty, Người phụ trách quản trị công ty

1. HĐQT bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty đồng thời kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải là người có hiểu biết về Pháp Luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Công Ty và Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG VI

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 24. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên HĐQT, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác.

1. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản Pháp Luật liên quan.
2. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Người Quản Lý, Cán Bộ Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của các cá nhân này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Người Quản Lý và Cán Bộ Quản Lý khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa Công Ty, Công Ty Con, công ty do Công Ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính cá nhân đó hoặc với những Người Có Liên Quan của cá nhân đó theo quy định của Pháp Luật. Đối với các giao dịch của các đối tượng nêu trên do ĐHCĐ hoặc HĐQT chấp thuận, Công Ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của Pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc Người Có Liên Quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ.

5. Thành viên HĐQT, Người Quản Lý, Cán Bộ Quản Lý khác và những Người Có Liên Quan của các cá nhân này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công Ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 25. Giao dịch với Người Có Liên Quan

1. Khi tiến hành giao dịch với Người Có Liên Quan, Công Ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những Người Có Liên Quan can thiệp vào hoạt động của Công Ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công Ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của Công Ty.

3. Công Ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa Cổ Đông và những Người Có Liên Quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công Ty.

Điều 26. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp

1. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ban Tổng giám đốc phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và các văn bản Pháp Luật liên quan.

2. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ban Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

3. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ban Tổng giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT về các giao dịch giữa công ty, công ty con với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Pháp Luật.

4. Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều Lệ Công Ty.

5. Thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Thành viên Ban Tổng giám đốc và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 27. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của công ty và gây tổn hại cho lợi ích của công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa và dịch vụ của công ty.

3. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của công ty.

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 28. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công Ty có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ.
2. Việc công bố thông tin được thực hiện trên website của Công Ty và các phương tiện công bố thông tin theo quy định của Pháp Luật. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho Cổ Đông và nhà đầu tư.

Điều 29. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công Ty

1. Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công Ty theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh Nghiệp.
2. Trong trường hợp Công Ty thay đổi mô hình hoạt động, Công Ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 30. Công bố thông tin về quản trị Công Ty

1. Công Ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công Ty theo quy định của Pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.
2. Công Ty có nghĩa vụ báo cáo định kỳ 06 tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công Ty theo quy định của Pháp Luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 31. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, TGD

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 24 Quy chế này, thành viên HĐQT, TGD có trách nhiệm báo cáo HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, tổng giám đốc trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó Người Có Liên Quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Cổ Đông lớn.

Điều 32. Tổ chức công bố thông tin

1. Công Ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công Ty theo quy định tại Luật Chứng Khoán và các văn bản hướng dẫn.
2. Công Ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin. Nhân viên công bố thông tin của Công Ty có trách nhiệm sau:
 - a) Công bố các thông tin của Công Ty với công chúng đầu tư theo quy định của Pháp Luật và Điều Lệ;
 - a. Công khai tên, số điện thoại làm việc để Cổ Đông liên hệ.

CHƯƠNG VII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33. Quy định về đánh giá khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên HĐQT và Cán Bộ Quản Lý

1. Căn cứ vào nội quy của Công Ty, quy định về khen thưởng và kỷ luật của Công Ty và căn cứ theo kết quả đánh giá của hội đồng khen thưởng, kỷ luật của Công Ty, Công Ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể và cá nhân thành viên HĐQT, Thành viên Ủy ban kiểm toán, Cán Bộ Quản Lý và Người Quản Lý khác có thành tích trong công tác quản lý.

2. Khi phát sinh các sự việc sai phạm, vi phạm nội quy của Công Ty, tùy theo mức độ vi phạm của từng cá nhân, hội đồng khen thưởng kỷ luật Công Ty xem xét hình thức kỷ luật và ban hành quyết định kỷ luật.

Điều 34. Giám sát

1. Công Ty, các cá nhân, tổ chức liên quan và các Cổ Đông Công Ty phải chịu sự giám sát về quản trị Công Ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định hiện hành của Pháp Luật.

2. Công Ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị Công Ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 35. Hiệu lực

Quy Chế này do HĐQT tổ chức soạn thảo và trình ĐHĐCĐ thông qua, có hiệu lực kể từ ngày 26/03/2024 và thay thế các văn bản có cùng nội dung được ban hành trước đây. Các quy định đã ban hành trước đây có nội dung trái với Quy Chế này đều chấm dứt hiệu lực.

HĐQT có trách nhiệm cập nhật các thay đổi của Pháp Luật đề sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy Chế này cho phù hợp. Trường hợp có sự mâu thuẫn giữa quy định của Quy chế và quy định của Pháp Luật tương ứng, quy định của Pháp Luật tương ứng sẽ được ưu tiên áp dụng.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC FIRST REAL**

Đà Nẵng, Ngày 26 tháng 03 năm 2024

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Ban điều hành tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Ban điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý (thành viên Ban điều hành) được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến bảy (07) người.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 29 Điều lệ công ty.

f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Không phụ thuộc vào quy định nêu trên, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền cho cấp dưới và/hoặc người khác thực hiện một, một số công việc thuộc thẩm quyền của mình.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng

quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- i. a) Chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn, kế hoạch kinh doanh hàng năm và việc điều chỉnh, thay đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công Ty khi xét thấy cần thiết cho phù hợp với thực tế hoạt động;
- ii. Chào bán và/hoặc phát hành Cổ Phần mới hoặc các chứng khoán có khả năng chuyển đổi hay hoán đổi thành Cổ Phần của Công Ty trong phạm vi số Cổ Phần được quyền chào bán của từng loại theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- iii. Phát hành và chào bán các loại trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo thẩm quyền quy định bởi Điều Lệ này, Pháp Luật, cũng như theo quyết định khác của ĐHĐCĐ;
- iv. Huy động vốn dưới các hình thức khác phù hợp với quy định Pháp Luật;
- v. Giá chào bán của từng loại Cổ Phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác;
- vi. Mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số Cổ Phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng;
- vii. Đầu tư hoặc bán tài sản hoặc các hợp đồng, giao dịch với các đối tượng có liên quan như được quy định tại Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp có giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty;
- viii. Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- ix. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, giao dịch bảo đảm hoặc bồi thường và các hợp đồng khác có giá trị từ 20% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính quý gần nhất của Công Ty, trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 28.3.vii nêu trên và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ;
- x. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác mà HĐQT xét thấy cần thiết;
- xi. Cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
- xii. Thành lập Công Ty Con và quyết định các vấn đề có liên quan; quyết định các giao dịch của Công Ty Con do Công Ty là Chủ sở hữu hoặc kiểm soát;
- xiii. Lập chi nhánh, văn phòng đại diện và quyết định các vấn đề liên quan;
- xiv. Góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
- xv. Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở doanh nghiệp khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó hoặc/và phân cấp, giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp khác quyết định;
- xvi. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp ĐHĐCĐ, triệu tập họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến để ĐHĐCĐ thông qua quyết định hoặc/và phân cấp giao cho Chủ tịch HĐQT, TGD hoặc Người Điều Hành Doanh Nghiệp quyết định;
- xvii. Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên ĐHĐCĐ;
- xviii. Đề xuất mức cổ tức được trả; xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- xix. Đề xuất việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty;

- xx. Định giá tài sản đóng góp vào Công Ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công Ty, bao gồm cả vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- xxi. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- xxii. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Điều Lệ này, Pháp Luật và quyết định của ĐHCĐ.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch với người có liên quan

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng (người có liên quan) sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Hội đồng quản trị có thể quyết định việc chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với những người có liên quan theo từng lần giao dịch hoặc quyết định chấp thuận mang tính nguyên tắc chung và ủy quyền cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện ký hợp đồng, giao dịch trên cơ sở các nguyên tắc đó.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban (hoặc một tên gọi khác do Hội đồng quản trị quyết định) trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Chủ tịch Hội đồng quản trị thấy cần thiết phải tổ chức họp Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị (tự mình hoặc thông qua Thư ký Hội đồng quản trị) hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn [07 ngày] kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Địa điểm họp Hội đồng quản trị được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Tài liệu và ngôn ngữ họp Hội đồng quản trị là bằng tiếng Việt và có thể dịch sang tiếng nước ngoài nếu cần thiết.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng nước ngoài nếu cần thiết. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông các báo cáo thuộc trách nhiệm của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Ban điều hành và Tổng giám đốc thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Địa ốc First Real có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26/03/2024.

Trường hợp có sự không thống nhất giữa quy định của Quy chế này với Điều lệ Công ty thì quy định của Điều lệ Công ty có giá trị ưu tiên áp dụng. Trường hợp trong quá trình hoạt động mà Hội đồng quản trị thực hiện sửa đổi, bổ sung Quy chế này thì nội dung sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ khi được Hội đồng quản trị quyết định thông qua nhưng phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Anh Tuấn